

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ BÍCH THỦY

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH THCS
QUA MÔN NGỮ VĂN Ở HUYỆN ĐOAN HÙNG,
TỈNH PHÚ THỌ

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

THÁI NGUYÊN - 2016

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

LÊ THỊ BÍCH THỦY

**BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH THCS
QUA MÔN NGỮ VĂN Ở HUYỆN ĐOAN HÙNG,
TỈNH PHÚ THỌ**

Chuyên ngành: Quản lý giáo dục
Mã số: 60.14.01.14

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Nguyễn Đức Sơn

THÁI NGUYÊN - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các kết quả nghiên cứu là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 7 năm 2016

Tác giả luận văn

Lê Thị Bích Thủy

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tác giả xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo trường Đại học sư phạm Thái Nguyên, khoa quản lý giáo dục, phòng sau đại học đã giảng dạy, giúp đỡ tác giả trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt, tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới PGS.TS Nguyễn Đức Sơn đã nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ tác giả trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành luận văn này.

Tác giả xin bày tỏ lòng cảm ơn chân thành đến Phòng Giáo dục và Đào tạo Đoan Hùng, cán bộ quản lý và giáo viên các trường: Trung học cơ sở Vân Du, Trường trung học cơ sở Đoan Hùng, Trường trung học cơ sở Tiên Phong, Trường trung học cơ sở Hùng Quan, Trường trung học cơ sở Đại Nghĩa- huyện Đoan Hùng đã nhiệt tình giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp tài liệu và tư vấn khoa học trong quá trình học tập và nghiên cứu để tác giả hoàn thành luận văn.

Mặc dù bản thân đã rất cố gắng trong quá trình thực hiện, song luận văn khó tránh khỏi những thiếu sót. Tác giả kính mong nhận được ý kiến đóng góp, chỉ dẫn của các thầy giáo, cô giáo và bạn bè đồng nghiệp để luận văn được hoàn thiện hơn.

Thái Nguyên, tháng 7 năm 2016

Tác giả

Lê Thị Bích Thủy

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC VIẾT TẮT.....	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG.....	v
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục đích nghiên cứu	2
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu.....	3
4. Giả thuyết khoa học.....	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	3
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu	4
7. Phương pháp nghiên cứu	4
8. Cấu trúc luận văn.....	5
Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC	
GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH THCS QUA MÔN NGỮ VĂN	6
1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	6
1.2. Một số khái niệm của đề tài.....	10
1.2.1. Quản lý.....	10

1.2.2. Quản lý giáo dục.....	11
1.2.3. Quản lý trường học	13
1.2.4. Giá trị sống và giáo dục giá trị sống.....	13
1.3. Vai trò của giáo dục giá trị sống đối với học sinh THCS	14
1.4. Nội dung GD giá trị sống cho học sinh THCS.....	15
1.4.1. Hòa bình.....	16
1.4.2. Tôn trọng	16
1.4.3. Yêu thương	16
1.4.4. Khoan dung.....	17
1.4.5. Trung thực	17
1.4.6. Khiêm tốn	18
1.4.7. Hợp tác.....	18
1.4.8. Hạnh phúc.....	18
1.4.9. Trách nhiệm.....	19
1.4.10. Giản dị	19
1.4.11. Tự do.....	20
1.4.12. Đoàn kết.....	20
1.5. Phương pháp, hình thức giáo dục giá trị sống cho HS THCS.....	21
1.5.1. Phương pháp giáo dục giá trị sống	21
1.5.2. Hình thức tổ chức giáo dục giá trị sống.....	23
1.6. Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS	24
1.6.1. Vai trò của người hiệu trưởng trong quản lý hoạt động giáo dục đạo đức, giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS	24
1.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS	34

1.7.1. Tác động của xã hội đối với giáo dục giá trị sống.....	34
1.7.2. Ảnh hưởng của gia đình và quan hệ xã hội	35
1.7.3. Năng lực của cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên.....	35
1.7.4. Nhận thức của giáo viên, học sinh và xã hội	36
Tiểu kết chương 1	37
Chương 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH THCS QUA MÔN NGỮ VĂN 9 Ở HUYỆN ĐOAN HÙNG- TỈNH PHÚ THỌ.....	
2.1. Khái quát về tình hình phát triển kinh tế, giáo dục cấp THCS của địa phương	38
2.1.1. Về địa lí và phát triển kinh tế xã hội	38
2.1.2. Tình hình phát triển giáo dục	38
2.2. Thực trạng giáo dục giá trị sống ở THCS ở huyện Đoan Hùng - Phú Thọ.....	42
2.2.1. Thực trạng nhận thức của giáo viên, học sinh về giáo dục GTS.....	42
2.2.2. Năng lực của cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đối với công tác giáo dục GTS cho học sinh THCS.	44
2.2.3. Thực trạng việc thực hiện nội dung GD GTS.....	45
2.3. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS ...	46
2.3.1. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn 9	46
2.3.2. Nguyên nhân thực trạng	50
Tiểu kết chương 2	56
Chương 3. CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH QUA MÔN NGỮ VĂN 9 Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ.....	
	57

3.1. Những nguyên tắc đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS huyện Đoàn Hùng	57
3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa	57
3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống	57
3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi	58
3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả	59
3.2. Các biện pháp nâng cao hiệu lực quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS huyện Đoàn Hùng.....	59
3.2.1. Nâng cao nhận thức về công tác giáo dục giá trị sống cho đội ngũ giáo viên nói chung và đội ngũ giáo viên môn Ngữ văn nói riêng, học sinh và các lực lượng tham gia giáo dục GTS.....	59
3.2.2. Chỉ đạo Tổ chuyên môn, giáo viên đổi mới xây dựng kế hoạch lồng ghép nội dung giáo dục giá trị sống cho học sinh thông qua chương trình môn Ngữ văn 9.....	61
3.2.3. Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống	62
3.2.4. Đổi mới chỉ đạo hoạt động giáo dục giá trị sống.....	64
3.2.5. Đổi mới kiểm tra hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh thông qua môn Ngữ văn 9	67
3.2.6. Bồi dưỡng năng lực giáo dục GTS cho giáo viên Ngữ văn.	70
3.2.7. Đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa gia đình - nhà trường và xã hội trong hoạt động giáo dục GTS	73
3.2.8. Tăng cường hiệu quả việc sử dụng các phương tiện thiết bị, các điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động GD GTS	77
3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp, mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp	78
3.4. Mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp	80

Tiểu kết chương 3	83
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	84
1. Kết luận.....	84
2. Khuyến nghị.....	86
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	87
PHỤ LỤC	1

DANH MỤC VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Nội dung
1	CB, GV	Cán bộ, giáo viên
2	CB, GV, NV	Cán bộ, giáo viên, nhân viên
3	CBQL	Cán bộ quản lí
4	CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
5	GD	Giáo dục
6	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
7	GDCD	Giáo dục công dân
8	GTS	Giá trị sống
9	GV	Giáo viên
10	HS	Học sinh
11	HSG	Học sinh giỏi
12	KNS	Kỹ năng sống
13	KT-XH	Kinh tế - xã hội
14	NGLL	Ngoài giờ lên lớp
15	QLGD	Quản lí giáo dục
16	THCS	Trung học cơ sở
17	THPT	Trung học phổ thông

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1.	Bảng thống kê số người khảo sát	42
Bảng 2.2.	Bảng thống kê kết quả khảo sát nhận thức của giáo viên, học sinh về giáo dục giá trị sống trong trường THCS	43
Bảng 2.3.	Bảng thống kê kết quả khảo sát năng lực của cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đối với công tác giáo dục GTS cho học sinh THCS..	44
Bảng 2.4.	Bảng tổng hợp đánh giá việc thực hiện nội dung GD GTS	45
Bảng 2.5.	Bảng thống kê thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu GD GTS....	46
Bảng 2.6.	Bảng thống kê thực trạng xây dựng kế hoạch GD GTS	47
Bảng 2.7.	Thực trạng chỉ đạo công tác GD GTS cho HS.....	49
Bảng 2.8.	Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động GD GTS cho học sinh..	50
Bảng 2.9.	Những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng công tác GD GTS cho học sinh	52
Bảng 2.10.	Những nguyên nhân từ phía nhà trường	54
Bảng 3.1.	Khảo nghiệm mức độ cần thiết của các biện pháp quản lý được đề xuất	80
Bảng 3.2.	Khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp	81

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 2.1. Số lượng học sinh THCS huyện Đoàn Hùng từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015.....	40
Biểu đồ 2.2. Số lượng học sinh THCS huyện Đoàn Hùng từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015 chia theo khối lớp.....	40
Biểu đồ 2.3. Số lượng CBQL, GV, NV cấp THCS huyện Đoàn Hùng từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015.....	41
Biểu đồ 2.4. Phòng học phục vụ cho dạy và học cấp THCS huyện Đoàn Hùng từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015.....	41

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Hiện nay khi nhân loại bước vào thế kỷ XXI, một nền văn minh mới: nền văn minh trí tuệ, nền kinh tế tri thức thì giáo dục ngày càng được coi trọng hơn và còn được coi là nhân tố quyết định sự thành bại của một quốc gia, của mỗi con người trong xã hội. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với quy mô ngày càng rộng và trình độ ngày càng cao, đòi hỏi phải đổi mới toàn diện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và xã hội hóa. Chính vì vậy tại điều 2 của Luật giáo dục được Quốc hội XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2006 ghi rõ: *“Mục tiêu giáo dục là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, có tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất, năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”* [21, tr. 33].

Để có được con người Việt Nam có nhân cách, có phẩm chất và năng lực, việc giáo dục để hình thành các giá trị sống cho học sinh là thiết yếu. Giá trị sống chính là cốt lõi của nhân cách. Giáo dục giá trị sống đậm tính dân tộc, tiếp thu các giá trị sống nhân loại chính là điều kiện để giáo dục nhân cách con người mới.

Tuy nhiên, thực tế hiện nay, vấn đề giáo dục các giá trị sống trong trường học còn hạn chế, tập trung chủ yếu thông qua các chương trình, dự án hợp tác quốc tế nên tính bền vững không cao, chỉ được triển khai trong thời gian nhất định. Cách thức triển khai giáo dục giá trị sống ở cấp học phổ thông chủ yếu là phát tài liệu, tập huấn giáo viên, dạy thí điểm, thông qua các hoạt động ngoại khóa, hiệu quả của việc GD giá trị sống cho học sinh thực sự chưa cao... và hàng trăm câu hỏi được đặt ra, không chỉ học sinh mà bản thân nhiều giáo viên cũng còn ngỡ ngàng và lúng túng trong việc giáo dục các giá trị sống cho học sinh

Bên cạnh đó, kết quả thực hiện giáo dục toàn diện còn chưa cao do cách thức giáo dục còn nặng về cung cấp kiến thức, sử dụng những phương pháp làm cho người học thụ động, không khuyến khích, phát huy tư duy sáng tạo của mỗi cá nhân.

Cho nên, giáo dục giá trị sống cho học sinh đang trở thành một nhiệm vụ quan trọng đối với giáo dục cả nước. Giáo dục phải mang lại cho mọi người không chỉ kiến thức mà cả các giá trị sống một cách trực tiếp, hay gián tiếp. Vì thế công tác vận dụng các biện pháp và hình thức tổ chức giáo dục giá trị sống cho học sinh là việc làm cần thiết, thông qua các hoạt động cũng như các hình thức giáo dục mà các giá trị sống của học sinh sẽ được hình thành và phát triển.

Một trong những bộ môn khoa học trong nhà trường phổ thông nói chung và cấp THCS nói riêng vừa hình thành nhân cách, vừa hình thành tâm hồn cho học sinh đó là bộ môn Ngữ văn. Một giờ học văn không chỉ đơn thuần là khám phá vẻ đẹp của một tác phẩm văn chương mà còn là một giờ học bồi dưỡng nhân cách, lối sống, rèn kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử trước những vấn đề nóng bỏng của cuộc sống trong xã hội hiện đại, giúp các em hòa nhập kịp với guồng quay của thời đại - thời đại công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Và một điều tất yếu để nâng cao chất lượng của công tác giáo dục giá trị sống cho học sinh, phải thực hiện đổi mới toàn diện mà trong đó phải có những giải pháp Quản lý hoạt động này một cách có hiệu quả.

Vậy làm thế nào để nâng cao hiệu quả việc tổ chức giáo dục giá trị sống thông qua môn học Ngữ văn cho học sinh THCS nói chung và học sinh ở các trường THCS ở huyện Đoan Hùng- Tỉnh Phú Thọ nói riêng.

Xuất phát từ những lý do trên tôi đã chọn đề tài ***“Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn lớp 9 ở huyện Đoan Hùng - tỉnh Phú Thọ”***.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về nội dung Giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn nhằm đề ra các biện pháp để

nâng cao kết quả của công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh, góp phần nâng cao hiệu quả của việc giáo dục giá trị sống cho học sinh ở trường THCS.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn ở huyện Đoan Hùng- Tỉnh Phú Thọ.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn.

3.3. Khách thể điều tra

- Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng, giáo viên các trường THCS huyện Đoan Hùng - Tỉnh Phú Thọ (5 trường).

- Học sinh 5 trường THCS huyện Đoan Hùng.

4. Giả thuyết khoa học

Trong thời gian qua, hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn ở huyện Đoan Hùng- Phú Thọ đã đạt được những kết quả nhất định. Song kết quả chưa cao và còn một số hạn chế, bất cập. Một trong những nguyên nhân là việc quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống chưa chú ý đến việc tích hợp trong các môn học. Nếu đề xuất được các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh hợp lý và đồng bộ thì có thể sẽ góp phần nâng cao kết quả quản lý về hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS, góp phần nâng cao kết quả dạy và học trong các nhà trường.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Nghiên cứu lí luận về Giá trị sống, giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS thông qua môn Ngữ văn, lí luận về quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS.

5.2. Nghiên cứu thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS và thực trạng quản lý của các nhà trường THCS huyện Đoan Hùng về lĩnh vực này. Đồng thời, lí giải nguyên nhân của thực trạng.

5.3. Đề xuất các biện pháp của nhà trường cho người quản lý, mà cụ thể là người Hiệu trưởng trường THCS trong việc quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn về đối tượng

Nghiên cứu cơ sở lí luận về Biện pháp quản lý về hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS thông qua môn Ngữ văn 9.

6.2. Giới hạn về địa bàn nghiên cứu

Đề tài triển khai nghiên cứu ở 5 trường THCS huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Thời gian nghiên cứu giới hạn từ năm học 2013-2014 đến năm học 2015-2016.

6.3. Giới hạn về khách thể

Khảo sát CBQL (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng); tổ trưởng chuyên môn, nhóm trưởng nhóm chuyên môn; GV dạy giỏi, có uy tín; GV trực tiếp giảng dạy ở 5 trường THCS, trong đó có 03 trường THCS ở vùng thuận lợi : THCS Đoan Hùng, THCS Tiên Phong, THCS Vân Du và 02 trường THCS ở vùng khó khăn: THCS Hùng Quan, THCS Đại Nghĩa.

7. Phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp nghiên cứu lí luận

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi: Nhằm thu thập số liệu thống kê để khảo sát thực trạng quản lý của CBQL ở các trường THCS Đoan Hùng về hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh và đề xuất các biện pháp trong thời gian tới.

- Phương pháp phỏng vấn sâu: Lấy ý kiến của các nhà quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên, học sinh nhằm làm rõ thực trạng giáo dục giá trị sống cho học sinh.

- Phương pháp quan sát: Quan sát cơ sở vật chất, trường lớp, các hoạt động quản lý, những yếu tố ảnh hưởng đến việc giáo dục giá trị sống cho học sinh.

- Phương pháp chuyên gia: Trao đổi, xin ý kiến các đồng chí lãnh đạo Phòng giáo dục, các đồng chí cán bộ quản lý, đội ngũ các thầy cô giáo giảng dạy lâu năm có nhiều kinh nghiệm ở các trường về biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh.

- Phương pháp xử lý số liệu: Sử dụng phương pháp thống kê toán học để xử lý và phân tích số liệu điều tra.

8. Cấu trúc luận văn

Ngoài mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, luận văn có cấu trúc gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn 9 ở huyện Đuan Hùng- Phú Thọ.

Chương 2: Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn 9 ở Đuan Hùng- Phú Thọ.

Chương 3: Các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh qua môn ngữ văn 9 ở các trường THCS huyện Đuan Hùng- Phú Thọ.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH THCS QUA MÔN NGỮ VĂN

1.1. Vài nét về lịch sử nghiên cứu vấn đề

Giá trị sống là một hình thái ý thức xã hội, là hệ thống các quan niệm về cái thiện, cái ác trong các mối quan hệ của con người với con người. Giá trị về bản chất là những quy tắc, những chuẩn mực trong quan hệ xã hội, được hình thành và phát triển trong cuộc sống, được cả xã hội thừa nhận. Giá trị là quy tắc sống, nó có vị trí to lớn trong đời sống, và định hướng cho cuộc sống của mỗi cá nhân, điều chỉnh hành vi cho phù hợp với chuẩn mực của xã hội. Những giá trị phổ biến của đạo đức thể hiện trong các khái niệm: thiện, ác, lẽ phải, công bằng, văn minh, lương tâm, trách nhiệm... Từ xưa tới nay, loài người luôn quan tâm, đề cao GD GTS, nhưng được đề cập tới nhiều góc độ khác nhau như tư tưởng “nhân, nghĩa” của Khổng Tử, khái niệm “cái tâm” của Phật Giáo, mối quan hệ giữa khái niệm Đức và Tài của Hồ Chí Minh.

Chương trình **Giáo dục các Giá trị sống** được triển khai từ một dự án quốc tế bắt đầu từ năm 1995 do trường Đại học BKO thực hiện để kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Liên Hiệp Quốc nhằm sự kêu gọi sự chia sẻ các giá trị cho một thế giới tốt đẹp hơn. Dự án này tập trung vào 12 Giá trị mang tính phổ quát. Chủ đề được lấy trong một lời mở đầu của Hiến chương Liên Hiệp Quốc, khẳng định lòng tin vào quyền cơ bản của con người, về phẩm cách và giá trị của mỗi cá nhân.

Sách hướng dẫn các Giá trị sống (Living Values: A Guidebook) là một phần của dự án **Chia sẻ các Giá trị vì một thế giới tốt đẹp hơn**. Ngoài việc cung cấp những bài học về 12 Giá trị cơ bản, đưa ra cách nhìn nhận cá nhân cho sự sáng tạo và duy trì những thay đổi tích cực, gợi mở những đề tài thảo luận và các hướng dẫn hoạt động nhóm, sách còn giới thiệu những phương pháp thực hành các giá trị để các em học sinh áp dụng ngay trong lớp học.

Năm 2004, Hiệp hội giáo dục các Giá trị sống quốc tế (ALIVE), một tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận đã được thành lập, trụ sở đặt tại Geneva Switzerland. ALIVE đặt mục tiêu thúc đẩy các hoạt động giáo dục giá trị sống trên toàn thế giới. Đến nay các hoạt động giáo dục giá trị sống đã và đang được thực hiện tại hơn 8000 địa điểm ở hơn 60 quốc gia.

Hơn 24 năm trên cương vị Chủ tịch nước, Bác Hồ rất quan tâm đến tiêu chuẩn, tư cách đạo đức của người cách mạng. Người thường nói: *“...đạo đức cách mạng là cái gốc, cái nền tảng, cái bản chất. Giống như sông phải có nguồn nước, không có nguồn thì sông khô cạn. Cây phải có gốc rễ, không có gốc thì cây khô héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì tài giỏi cách mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân...”* [dẫn theo 25].

Bác yêu cầu người cách mạng phải lấy Đức làm gốc, tuy nhiên, tư tưởng đạo đức của Người rất coi trọng cả đức và tài. Có tài phải có đức, có tài mà không có đức, tham ô, hủ hóa chỉ có hại cho đất nước. Có đức mà không có tài chẳng làm gì được thì không giúp ích cho ai. Người nêu rõ kiến thiết cần có nhân tài đầu tại nước ta nhân tài tuy chưa nhiều lắm nhưng chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dụng thì nhân tài ngày càng phát triển thêm nhiều.

Ngay sau khi cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt vấn đề chống nạn đói là vấn đề cấp bách thứ hai sau vấn đề nạn đói trong số những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước lúc bấy giờ. Bởi vì nạn đói là một trong những phương pháp độc ác mà thực dân dùng để cai trị chúng ta. Và một dân tộc đói là một dân tộc yếu. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, vì bận đánh giặc và sản xuất, nhiều người chưa chú ý đúng mức vấn đề văn hóa, giáo dục. Bác kêu gọi mọi người thi đua học tập để đưa dân tộc ta trở thành một dân tộc thông thái. Bác luôn đặt biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng thế hệ trẻ.

Muốn có nhân tài phải trồng và dĩ nhiên là rất công phu, và giáo dục có tầm quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển con người. Bởi giáo dục

tạo nên chất người, nên nhân tài. Người chỉ cho chúng ta con đường đưa đất nước phồn vinh. Đó là con đường phát triển giáo dục, đào tạo nhân tài.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ coi trọng việc phát triển giáo dục, đào tạo nhân tài, Người còn coi trọng chính sách sử dụng nhân tài. Trong bài “Tìm người tài đức” ngày 20/11/1946, Bác viết: “Trong số 20 triệu đồng bào chắc không thiếu người có tài đức. Nghe vì Chính phủ nghe không đến, thấy không gặp đến nỗi những bậc tài đức không thể xuất thân. Khuyết điểm đó, tôi xin thừa nhận” [25]. Nhờ có tấm lòng thật sự trọng dụng nhân tài nên Bác đã tập hợp được đội ngũ trí thức từ nước ngoài về phục vụ sự nghiệp kiến quốc như bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Tôn Thất Tùng, kỹ sư Trần Đại Nghĩa, giáo sư Lê Văn Thêm, tướng Nguyễn Sơn, Tạ Quang Bửu... và nhiều chiến sĩ khác gấn bó, đem hết tài năng để xây dựng đất nước, phục vụ kiến quốc.

Ngày nay, với quan điểm phải giáo dục cho các thế hệ học sinh cả kỹ năng sống và giá trị sống, chúng ta mới nhận thức rõ ràng hơn mối quan hệ giữa tài và đức, trong đó cái đức được đề cao. Tư tưởng về tài và đức của Bác đến nay vẫn còn nguyên giá trị, vẫn sáng mãi tính khoa học, tính nhân dân và dân tộc sâu sắc, là bài học vô cùng quý giá cho chúng ta noi theo. Đạo đức và tài năng không phải là thứ sản phẩm bẩm sinh hoặc tạo hóa ban cho hoặc chờ đợi người khác mang đến cho mà phải đầu tư học vấn, mở mang tri thức và được trải nghiệm qua quá trình rèn luyện, tu dưỡng của con người.

Trở lại khái niệm giá trị sống, chúng ta thấy nó khá gần gũi với những khái niệm “động cơ”, “hứng thú”, “lý tưởng sống” của tâm lý học hiện đại.

Tại Việt Nam, triển khai Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII, Chính phủ đã đề ra các chương trình khoa học - công nghệ cấp Nhà nước. Trong đó có chương trình: “*Chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*” do GS.VS Phạm Minh Hạc làm chủ nhiệm bắt đầu từ năm 1991 đến năm 2000 được chia làm hai giai đoạn.

Chương trình nghiên cứu đã xác định những giá trị cơ bản của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hóa [14].

Trong cuốn sách: “*Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn*” PGS.TS Hà Nhật Thăng đã đề xuất cụ thể những giá trị cần trang bị cho học sinh, sinh viên. Nắm vững hệ thống giá trị cốt lõi, đó là cơ sở cơ bản của nhân cách, rèn luyện để thế hệ trẻ có những hành vi tương ứng với hệ thống giá trị đạo đức nhân văn cốt lõi, phù hợp với yêu cầu của xã hội, của thời đại. Những kết quả nghiên cứu trên đã được ứng dụng vào việc xây dựng chương trình và thể hiện trong sách giáo khoa ở Tiểu học, THCS, THPT của môn Đạo đức và Giáo dục công dân triển khai từ năm 2000 trên phạm vi cả nước.

Đây là những tiền đề đưa công tác GD GTS cho học sinh THCS vào các nhà trường mạnh mẽ, mang lại hiệu quả tích cực, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Giá trị sống là phải sống với từng giá trị chứ không phải chỉ là nói về các giá trị đó. Cũng như khi dạy học, chúng ta phải quan tâm đến những việc chúng ta làm chứ không phải quan tâm điều chúng ta nói, phải quan tâm đến tâm trạng của đối tượng chứ không chỉ quan tâm đến kết quả của hoạt động.

Việc giáo dục kĩ năng sống sẽ không đạt kết quả nếu chúng ta không quan tâm đến giáo dục giá trị sống. Như chúng ta đã biết, giá trị sống của mỗi cá nhân không thể tự nhiên mà có mà nó được hình thành nhờ vào quá trình tự nhận thức và sự trải nghiệm của mỗi người. Tuy nhiên giai đoạn quan trọng nhất và có ý nghĩa nhất là tuổi vị thành niên (9-10 tuổi đến 17-18 tuổi). Nhà trường giúp người học hình thành và phát triển hệ giá trị của từng người: Tâm lực, trí lực, thể lực - giá trị học thức, giá trị sống, giá trị tay nghề và lương tâm nghề, giá trị đóng góp,... giá trị tự khẳng định mình...

Để nâng cao chất lượng giáo dục Giá trị sống, đã có một số nhà khoa học nghiên cứu về quản lý công tác giáo dục Giá trị sống trong các nhà trường. Còn

số này còn vô cùng ít ỏi, và cho đến nay chưa có đề tài nào nghiên cứu về những biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Đề tài “Biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn 9 tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ” là sự kế thừa các nghiên cứu đi trước để làm rõ thực trạng và đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục Giá trị sống nhằm góp phần nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức học sinh THCS huyện Đoan Hùng cũng như ở các huyện khác có điều kiện, hoàn cảnh tương tự trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

1.2. Một số khái niệm của đề tài

1.2.1. Quản lý

Theo một cách tiếp cận hệ thống, mọi tổ chức (cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp...) đều có thể được xem như một hệ thống gồm hai phân hệ: chủ thể quản lý và đối tượng quản lý. Mỗi hệ thống bao giờ cũng hoạt động trong môi trường nhất định (khách thể quản lý).

Quản lý phải bao gồm các yếu tố, điều kiện sau:

Phải có ít nhất một chủ thể quản lý là tác nhân tạo ra các tác động và ít nhất một đối tượng quản lý tiếp nhận các tác động của chủ thể quản lý và các khách thể có quan hệ gián tiếp của chủ thể quản lý. Tác động có thể chỉ là một lần mà cũng có thể là liên tục nhiều lần.

Phải có một mục tiêu và một quỹ đạo đặt ra cho cả đối tượng quản lý và chủ thể quản lý đưa ra các tác động quản lý.

Chủ thể phải thực hành việc tác động và phải biết tác động. Vì thế đòi hỏi chủ thể phải biết tác động và điều khiển đối tượng một cách có hiệu quả.

Chủ thể quản lý có thể là một cá nhân, một cơ quan quản lý, còn đối tượng quản lý có thể là con người (một hoặc nhiều người), giới vô sinh hoặc sinh vật. Quản lý chính là sự kết hợp được mọi nỗ lực chung của mọi người trong tổ chức và sử dụng tốt nhất các nguồn lực của tổ chức để đạt tới mục tiêu chung và mục tiêu riêng của mỗi người một cách hiệu quả nhất.

Quản lý phải trả lời câu hỏi: Phải đạt mục tiêu nào? Phải đạt mục tiêu như thế nào và bằng cách nào?

Vậy, có thể hiểu, quản lý là tác động có định hướng, có chủ định của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý nhằm đưa hệ thống đạt đến mục tiêu đã định và làm cho nó vận hành tiến lên một trạng thái mới về chất.

1.2.2. Quản lý giáo dục

Quản lý giáo dục là bộ phận quan trọng của hệ thống quản lý xã hội, nó đã xuất hiện từ lâu và tồn tại dưới mọi chế độ xã hội. Với nhiều cách tiếp cận khác nhau, các nhà nghiên cứu đã đưa ra khái niệm quản lý giáo dục như sau:

- Theo M.I Kônđacôp: *“Quản lý giáo dục là tác động có hệ thống, có kế hoạch, có ý thức và mục đích của chủ thể quản lý các cấp khác nhau đến tất cả các khâu của hệ thống nhằm mục đích đảm bảo việc hình thành nhân cách cho thế hệ trẻ trên cơ sở nhận thức và vận dụng những quy luật chung của xã hội cũng như những quy luật của quá trình giáo dục cho sự phát triển thể lực và tâm lí trẻ em”* [22, tr.33].

- Theo tác giả Hồ Văn Liên, trong tập bài giảng về *“Tổ chức và quản lý giáo dục trường học”* thì: *“Quản lý giáo dục là tác động có định hướng, có chủ đích của chủ thể quản lý giáo dục đến khách thể quản lý trong một tổ chức, làm cho tổ chức đó vận hành và đạt được mục đích của tổ chức”* [dẫn theo 6].

- Theo tác giả Đặng Quốc Bảo: *“Quản lý giáo dục là hoạt động điều hành, phối hợp các lực lượng xã hội nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo thế hệ trẻ theo yêu cầu phát triển của xã hội”* [1].

- Theo tác giả Nguyễn Minh Đạo: *“Quản lý giáo dục là sự tác động liên tục có tổ chức, có định hướng của chủ thể quản lý (người quản lý hay tổ chức quản lý) lên đối tượng giáo dục và khách thể quản lý giáo dục về các mặt chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế,... bằng một hệ thống các luật lệ, các chính sách, các nguyên tắc, các phương pháp, các biện pháp cụ thể nhằm tạo ra môi trường và điều kiện cho sự phát triển của đối tượng”* [11].

Như vậy, quản lý giáo dục là một loại hình quản lý được hiểu là sự tác động có ý thức của chủ thể quản lý tới khách thể quản lý nhằm đưa hoạt động sư phạm của hệ thống giáo dục đạt tới kết quả mong muốn bằng cách hiệu quả nhất. Trong tác động của chủ thể quản lý đến khách thể quản lý có sự tác động của người đến người. Đó là sự tác động qua lại tạo thành một loại quan hệ xã hội đặc biệt là quan hệ quản lý.

Tóm lại, quản lý giáo dục là một loại lao động điều khiển lao động. Quản lý giáo dục trong xã hội ta hiện nay là hướng tới việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Ở cấp độ nhân cách, quản lý giáo dục là quản lý sự hình thành và phát triển nhân cách.

Bản chất của quản lý giáo dục được biểu hiện ở các chức năng quản lý. Các công trình nghiên cứu về khoa học quản lý trong những năm gần đây đã đưa đến một kết luận tương đối thống nhất về 5 chức năng cơ bản của quản lý, đó là:

- Kế hoạch hóa tức là lập kế hoạch, phổ biến kế hoạch hoạt động.
- Tổ chức gồm tổ chức triển khai hoạt động, tổ chức nhân sự, phân công trách nhiệm trong thực hiện kế hoạch hoạt động.
- Kích thích nghĩa là khuyến khích, tạo động cơ hoạt động.
- Kiểm tra gồm theo dõi thực hiện, kiểm soát, kiểm kê, hoạch toán, phân tích quá trình thực hiện.
- Điều phối nghĩa là phối hợp, điều chỉnh công tác.

Tổ hợp tất cả các chức năng quản lý nêu trên tạo nên nội dung của quá trình quản lý, nội dung làm việc của chủ thể quản lý, phương pháp quản lý và là cơ sở để phân công lao động quản lý.

Vậy: Quản lý giáo dục là quá trình đạt đến mục tiêu giáo dục của hệ thống giáo dục bằng cách vận dụng các chức năng kế hoạch hóa, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra,....

1.2.3. Quản lý trường học

Quản lý trường học là hoạt động của các cơ quan quản lý nhằm tập hợp và tổ chức các hoạt động của giáo viên, học sinh và các lực lượng giáo dục khác, cũng như huy động tối đa các nguồn lực giáo dục để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong nhà trường [32, tr. 205].

1.2.4. Giá trị sống và giáo dục giá trị sống

1.2.4.1. Giá trị sống (hay giá trị cuộc sống)

Giá trị sống là tất cả những cái gì (vật chất, tinh thần) có ích lợi, đáng ham chuộng, quý giá, quan trọng, có ý nghĩa đối với cuộc sống, khiến mỗi người mong muốn lĩnh hội, thể hiện ra để cuộc sống của mình tốt đẹp hơn và góp phần cải thiện cuộc sống chung.

Trong một khoá tập huấn về giá trị sống tại Đại học quốc gia Hà Nội, bà Trish Summerfield - Giám đốc Trung tâm Giáo dục Giá trị sống tại Việt Nam đã giới thiệu về 12 giá trị sống mang tính phổ quát nhất của cuộc sống. Đó là: "*Hoà bình, tôn trọng, hợp tác, đoàn kết, trách nhiệm, khoan dung, khiêm tốn, giản dị, trung thực, yêu thương, tự do và hạnh phúc*" [dẫn theo 19].

Giá trị sống là một hình thái ý thức xã hội, là hệ thống các quan niệm về cái thiện, cái ác trong mối quan hệ của con người với con người. Giá trị sống về bản chất là những quy tắc, những chuẩn mực trong quan hệ xã hội, được hình thành và phát triển trong cuộc sống, được cả xã hội thừa nhận. Giá trị sống là quy tắc sống, nó có vị trí to lớn trong đời sống, và định hướng cho cuộc sống của mỗi cá nhân, điều chỉnh hành vi cho phù hợp với chuẩn mực của xã hội [dẫn theo 19, tr.16].

1.2.4.2. Giáo dục giá trị sống

Giáo dục GTS là một quá trình tổ chức tác động có chủ định của các lực lượng giáo dục, trong đó giáo dục nhà trường giữ vai trò chủ đạo, để tạo ra sự

thống nhất tác động giáo dục, phát huy những yếu tố tích cực, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực tới học sinh, nhằm phát huy tính tích cực tự giác rèn luyện, tạo ra động cơ, thái độ đúng đắn trong cuộc sống, học tập và hoạt động xã hội, để học sinh học tập, làm việc hiệu quả hơn có lối sống nếp sống tốt đẹp mang lại lợi ích cho chính học sinh, gia đình, nhà trường và xã hội.

1.3. Vai trò của giáo dục giá trị sống đối với học sinh THCS

Do đặc điểm của xã hội hiện đại có sự thay đổi toàn diện về kinh tế, văn hóa, xã hội và lối sống với tốc độ nhanh đã làm nảy sinh những vấn đề mà trước đây con người chưa gặp phải, chưa trải nghiệm, chưa ứng phó, chưa đương đầu. Nói cách khác, để đi đến thành công và đạt tới sự hạnh phúc con người sống trong xã hội trước đây ít gặp rủi ro và thách thức như con người hiện đại ngày nay. Từ đó đòi hỏi mỗi người sống trong xã hội hiện đại cần phải trang bị cho mình những tri thức - kỹ năng cần thiết cho sự sinh tồn và phát triển. Giáo dục giá trị sống để hình thành và phát triển kỹ năng sống trở thành một yêu cầu quan trọng của nhân cách con người hiện đại.

Nền giáo dục của chúng ta nhằm mục đích xây dựng con người đi vào công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Hai mục đích đó thống nhất với nhau, xây dựng con người phát triển toàn diện là mục tiêu và động lực của sự phát triển kinh tế xã hội.

Tại Hội nghị Giáo dục thế giới học tại Senegan tháng 4 năm 2000 đã thông qua kế hoạch hành động giáo dục cho mọi người và những mục tiêu này không gì nằm ngoài nhiệm vụ Đảm bảo nhu cầu học tập của tất cả thế hệ trẻ và người lớn đáp ứng thông qua bình đẳng tiếp cận các chương trình học tập và chương trình kỹ năng sống thích hợp.

Giáo dục giá trị sống để phát triển kỹ năng sống là cách giúp con người thích nghi với những sự thay đổi của xã hội. Giúp học sinh xác định được vị trí của bản thân trong xã hội và nhận ra được những yêu cầu của xã hội đối với mỗi cá nhân để từ đó phấn đấu, rèn luyện và trưởng thành.

Giáo dục giá trị sống trong nhà trường cũng giúp gây hứng thú cho các cá nhân để lựa chọn những giá trị của riêng mình về xã hội, đạo đức và tinh thần và hiểu biết những phương pháp thực hành để phát triển và khắc sâu những giá trị này.

Giáo dục GTS ngày càng trở nên cấp thiết đối với học sinh THCS. Ở lứa tuổi này, các em đang hình thành những giá trị nhân cách; đang ấp ủ nhiều hoài bão, ước mơ; đang tự xây dựng cho mình lý tưởng sống; đang khao khát tìm tòi, khám phá... Tuy nhiên, cũng ở lứa tuổi này các em lại chưa có những hiểu biết sâu sắc về xã hội, thiếu kinh nghiệm sống và đặc biệt dễ bị lôi kéo, kích động... từ đó dễ bị phát triển lệch lạc nếu không có sự giáo dục, định hướng kịp thời. Giáo dục giá trị sống chính là bước khởi đầu quan trọng để hình thành nhận thức, quan điểm đúng đắn về giá trị thực, giúp các em phân biệt rõ ràng phải, trái, tốt, xấu. Trên cơ sở định hướng hành vi, hình thành kỹ năng và phát triển nhân cách phù hợp với những chuẩn mực đạo đức của dân tộc.

Nói tóm lại, giáo dục giá trị sống để trang bị kỹ năng sống cho học sinh là một việc làm hết sức có ý nghĩa và giá trị, giúp cho học sinh biến kiến thức thành hành động cụ thể, những thói quen lành mạnh. Giúp học sinh biết làm chủ bản thân và làm chủ cuộc sống của chính mình, góp phần thúc đẩy sự phát triển cá nhân và xã hội, ngăn ngừa các vấn đề xã hội, bạo lực học đường, bảo vệ sức khỏe và bảo vệ quyền con người. Học sinh thấu hiểu các giá trị sống và có kỹ năng sống cao sẽ thực hiện được những hành vi mang tính xã hội tích cực, góp phần xây dựng các mối quan hệ xã hội tốt đẹp, xây dựng môi trường học đường thân thiện và là điều kiện thiết yếu để đảm bảo quá trình giáo dục phát triển một cách toàn diện và hiệu quả.

1.4. Nội dung GD giá trị sống cho học sinh THCS

Nội dung chương trình GD GTS cho học sinh THCS được xây dựng trên 12 giá trị cốt lõi, đó là:

1.4.1. Hòa bình

Hòa bình không đơn giản chỉ là sự vắng bóng của chiến tranh. Hòa bình là khi chúng ta sống hòa thuận và không đấu đá lẫn nhau.

Nếu mỗi người đều cảm thấy bình yên ở trong lòng thì hòa bình sẽ ngự trị khắp nơi trên thế giới.

Thanh bình không có nghĩa là vắng bóng sóng gió mà chính là ta vẫn giữ được lòng bình an giữa những biến động, hỗn loạn của cuộc đời.

Bình an có được khi mọi tư tưởng, tình cảm và ước muốn của con người đều trong sáng.

Những nội dung chính liên quan đến chủ đề hòa bình được giáo dục cho học sinh THCS có thể mang lại cho các em sự khước từ bạo lực để sống khoan dung, độ lượng, chia sẻ với mọi người, quan tâm và tôn trọng lẫn nhau.

1.4.2. Tôn trọng

Nhận biết giá trị của bản thân và trân trọng giá trị của người khác chính là cách thức để ta nhận được sự tôn trọng.

Bình an có được khi mọi tư tưởng, tình cảm và ước muốn của con người đều trong sáng.

Tôn trọng trước hết là tự trọng, là biết rằng tự bản thân mình có giá trị. Bẩm sinh con người là vốn quý giá. Một phần của lòng tự trọng là biết về các phẩm chất của mình.

1.4.3. Yêu thương

Tình yêu là giá trị làm cho mối quan hệ giữa con người với con người trở nên tốt đẹp hơn. Tình yêu là nền tảng tạo dựng và nuôi dưỡng các mối quan hệ một cách chân thành và bền vững nhất.

Yêu thương có nghĩa là tôi có thể trở thành người tử tế, biết quan tâm và thông hiểu người khác. Yêu thương người khác cũng đồng nghĩa với việc

mong muốn những điều tốt đẹp đến với họ. Yêu thương là biết lắng nghe và chia sẻ.

Giáo dục giá trị yêu thương cho các em học sinh đặc biệt đối với lứa tuổi THCS (một lứa tuổi đang định hình cái tôi cá nhân rất rõ nét) sẽ giúp các em vượt qua tính vị kỉ, chỉ biết mỗi bản thân mình để đồng cảm, chia sẻ với mọi người xung quanh từ đó định hướng phát triển nhân cách cao đẹp.

1.4.4. Khoan dung

Khoan dung là tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt, sự đa dạng giữa người với người thông qua sự hiểu biết lẫn nhau. Khoan dung là sự cởi mở và nhận ra vẻ đẹp của những điều khác biệt đó. Khoan dung đối với những điều không thuận lợi trong cuộc sống là biết cho qua đi, trở nên nhẹ nhàng, thanh thản và tiếp tục tiến lên.

Người biết trân trọng những giá trị tốt đẹp ở người khác và nhìn thấy những điều tích cực trong mọi tình huống là người có lòng khoan dung.

Hạt giống khoan dung và yêu thương cần được gieo mầm trong mảnh đất tâm hồn của các em học sinh để các em biết động lòng trắc ẩn và biết tha thứ cho những sai lầm của người khác.

1.4.5. Trung thực

Trung thực có nghĩa là không có sự khác biệt giữa tư tưởng, lời nói với việc làm và khiến cho mọi người gần nhau hơn. Trung thực làm cho cuộc sống trở nên toàn vẹn hơn vì bên trong và bên ngoài chúng ta là một hình ảnh phản chiếu. Khi trung thực con người cảm thấy trong sáng và nhẹ nhàng. Một người trung thực và chân chính thì xứng đáng được tin cậy.

Trung thực với bản thân và với mọi người trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng có nghĩa là ta đang gieo niềm tin trong lòng người khác và xứng đáng nhận được sự tin yêu.

Khi sống trung thực, một người có thể học và giúp đỡ người khác biết cách trao tặng. Đôi khi lòng tham là gốc rễ của sự thiếu trung thực và sự bất lương. Người sống trung thực sẽ biết thế nào là đủ và không tham lam.

Giáo dục cho các em học sinh nói chung và học sinh THCS nói riêng giá trị và cách sống trung thực chính là chúng ta đã cho các em cái nền tảng cho các mối quan hệ tốt đẹp sau này.

1.4.6. Khiêm tốn

Khiêm tốn cho phép bản thân ta trưởng thành với phẩm giá và lòng chính trực mà không cần đến những bằng chứng thể hiện bên ngoài.

Giáo dục giá trị sống khiêm tốn cho các em học sinh THCS là giáo dục các em cách nói năng dịu dàng, ăn mặc giản dị, không khoe khoang, biết lắng nghe người khác.

1.4.7. Hợp tác

Tinh thần hợp tác tồn tại khi mọi người làm việc cùng nhau vì mục đích chung. Một người biết hợp tác cần biết thể hiện và đóng góp vì sự phát triển của cá nhân và tập thể, biết lắng nghe ý kiến của tập thể. Một người biết hợp tác thì sẽ nhận được sự hợp tác.

Người có tinh thần hợp tác là người có tâm hồn trong sáng, luôn mong muốn những điều tốt đẹp đến với mọi người cũng như công việc.

Khi hợp tác, ta cần phải biết điều gì là cần thiết. Đôi khi ta cần đưa ra ý tưởng nhưng có lúc ta cần phải gác qua một bên ý tưởng của mình. Lúc này, ta giữ vai trò dẫn dắt, lãnh đạo, nhưng vào lúc khác, ta cần phải đi theo.

1.4.8. Hạnh phúc

Hạnh phúc là trạng thái bình an của tâm hồn con người. Hạnh phúc sẽ mỉm cười khi lòng ta tràn ngập hy vọng và sống có mục đích.

Khi tâm hồn bình yên và giàu tình yêu thương, hạnh phúc sẽ tự nhiên lên.

Khi mong muốn những điều tốt lành đến với mọi người, ta sẽ cảm thấy hạnh phúc tràn ngập con tim.

Những lời nói tốt đẹp về mọi người mang lại sự hạnh phúc về nội tâm. Những hành động trong sáng và quên mình sẽ đem đến hạnh phúc. Giá trị cốt lõi của con người là sự bình an. Chừng nào chúng ta chưa trải nghiệm được sự bình an thì chúng ta chưa cảm nhận được thế nào là sự hạnh phúc.

Giáo dục Giá trị sống hạnh phúc cho các em học sinh THCS sẽ giúp các em biết trân trọng những gì mình đang có, hạnh phúc đến từ những điều rất nhỏ bé chứ không phải là những ước vọng cao siêu, huyễn hoặc. Từ sự cảm nhận về hạnh phúc của bản thân sẽ giúp các em biết mang đến hạnh phúc cho người khác.

1.4.9. Trách nhiệm

Nếu chúng ta muốn được hòa bình, chúng ta phải có trách nhiệm sống bình yên. Muốn có một thế giới hài hòa chúng ta phải có trách nhiệm chăm sóc thiên nhiên. Một người được coi là có trách nhiệm khi người đó đồng ý góp phần để gánh vác công việc chung với những thành viên khác.

Người có trách nhiệm luôn sẵn lòng đóng góp công sức của mình. Trách nhiệm không phải là điều ràng buộc chúng ta mà nó tạo điều kiện để ta có được những gì ta mong muốn.

Người có trách nhiệm là người biết thế nào là công bằng và thấy rằng mỗi người đều nhận được phần của mình.

Sống có trách nhiệm là một giá trị vô cùng quan trọng cần giáo dục cho các em học sinh, đây là một phẩm chất không thể thiếu của người công dân. Trách nhiệm với chính bản thân mình, trách nhiệm với gia đình và xã hội.

1.4.10. Giản dị

Giản dị là sống một cách tự nhiên, không giả tạo. Giản dị là biết trân trọng những điều nhỏ bé, bình thường trong cuộc sống.

Giản dị là sự trân trọng vẻ đẹp bên trong và nhận ra giá trị của tất cả mọi người, ngay cả những người được xem là xấu xa, tồi tệ.

Giản dị giúp chúng ta biết giảm thiểu những chi tiêu không cần thiết. Nó giúp ta nhận ra rằng một khi các nhu cầu cơ bản của chúng ta được đáp ứng, đủ

để ta có một cuộc sống thoải mái thì bất kỳ sự thái quá và thừa thãi nào cũng có thể dẫn tới tình trạng hư hỏng và lãng phí.

1.4.11. Tự do

Lứa tuổi THCS là lứa tuổi đang có sự biến chuyển mạnh mẽ về tâm sinh lí, các em đang rất mong được thoát khỏi những khuôn khổ và chuẩn mực, đòi hỏi sự tự do cho bản thân. Giáo dục giá trị Tự do cho các em học sinh THCS sẽ giúp các em có nhận thức đúng đắn về sự tự do, tránh sự tác động xấu dẫn đến những hành vi tiêu cực vì chưa nhận thức được giới hạn của sự tự do.

1.4.12. Đoàn kết

Đoàn kết là sự hòa thuận. Đoàn kết được tồn tại nhờ việc chấp nhận và hiểu rõ giá trị của mỗi người, cũng như biết đánh giá đúng sự đóng góp của họ đối với tập thể. Đoàn kết giúp cho những nhiệm vụ khó khăn trở nên dễ dàng. Đoàn kết mang đến tinh thần hợp tác, nâng cao lòng nhiệt tình và làm cho bầu không khí trở nên ấm áp.

Chỉ cần một biểu hiện của sự thiếu tôn trọng cũng có thể khiến cho mỗi đoàn kết bị đổ vỡ. Việc ngắt lời, gây cản trở người khác, đưa ra những lời phê bình, chỉ trích liên tục và thiếu tính xây dựng... sẽ ảnh hưởng không tốt đến các mối quan hệ.

Đoàn kết là nền tảng của sự phát triển bền vững. Có đoàn kết mới có dân chủ. Trong xu thế hội nhập hiện nay của thế giới, đoàn kết lại càng trở nên có ý nghĩa hơn bao giờ hết. Chúng ta phải biết đoàn kết để tạo nên sức mạnh tổng hợp, cùng hướng tới một sự phát triển bền vững.

Cần giáo dục giá trị Đoàn kết cho học sinh để các em hiểu được ý nghĩa của tinh thần đoàn kết và tự biết xây dựng cho mình tinh thần đoàn kết trong tập thể. Biết đoàn kết là các em đã biết yêu thương, chia sẻ, cảm thông và tôn trọng người khác.

1.5. Phương pháp, hình thức giáo dục giá trị sống cho HS THCS

1.5.1. Phương pháp giáo dục giá trị sống

Phương pháp giáo dục GTS là cách thức hoạt động chung giữa giáo viên, tập thể học sinh và từng học sinh lĩnh hội được những giá trị sống. Giáo dục giá trị sống cần trải qua một quá trình vừa mang tính khoa học, vừa mang tính nghệ thuật cao.

Từ những năm 90 của thế kỷ XX, người ta đã bàn luận rất nhiều về hai khái niệm Giá trị sống và Kỹ năng sống khi giáo dục nhân cách cho các em học sinh. Nhưng phương pháp giáo dục như thế nào thì lại là một vấn đề còn rất chung chung, trừu tượng. Nhận thức tầm quan trọng của việc giáo dục GTS và KNS, ngày 31/5/2012 Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo đã ban hành Kế hoạch số 444/KH-BGDĐT về việc tập huấn các cán bộ cốt cán trong nhà trường về phương pháp giáo dục GTS và KNS. Thực hiện kế hoạch trên Bộ giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với tổ chức Hợp tác phát triển và hỗ trợ kỹ thuật vùng Flamăng, Vương quốc Bỉ (VVOB Việt Nam) triển khai công tác tập huấn nâng cao năng lực giáo dục GTS và Quản lý hoạt động GD GTS cho đội ngũ cán bộ cốt cán tại các trường THPT và THCS.

Trong đó có bàn luận sâu sắc về phương pháp giáo dục GTS với một khung lý thuyết như sau:

Xây dựng bầu không khí dựa trên nền tảng các giá trị để tất cả mọi người đều được cảm nhận tình yêu thương, thấy mình có giá trị, được tôn trọng và an toàn.

Việc tạo nên bầu không khí dựa trên các giá trị trong bước chuẩn bị môi trường học tập là điều rất cần thiết để khám phá và phát huy tối đa các giá trị tích cực. Một môi trường giáo dục lấy người học là trung tâm, trong đó các mối quan hệ dựa trên lòng tin cậy, quan tâm và tôn trọng sẽ khơi dậy động cơ tốt đẹp, sự sáng tạo tự nhiên và gia tăng sự hiểu biết, đồng cảm. Người dạy và

người học có cơ hội phát huy tối đa tiềm năng của mình trong một môi trường học tập có sự khuyến khích, ủng hộ, quan tâm và sáng tạo. Mọi hình thức kiểm soát bằng cách đe dọa, trừng phạt, gây sợ hãi, xấu hổ chỉ khiến học viên cảm thấy không phù hợp, tổn thương, ngại ngùng và bất an.

- Thấu hiểu các yếu tố hỗ trợ, khám phá các giá trị: Mỗi hoạt động giá trị sống bắt đầu với 3 yếu tố hỗ trợ việc khám phá các giá trị bao gồm:

+ Tiếp nhận thông tin: Đây là cách dạy giá trị theo kiểu truyền thống. Sách vở, chuyện kể, các nguồn thông tin có thể trở thành trợ thủ đắc lực trong việc khám phá các giá trị

+ Suy ngẫm: Các hoạt động tưởng tượng và suy ngẫm đòi hỏi học viên phải đưa ra ý tưởng của riêng mình.

+ Khám phá các giá trị qua thực tiễn cuộc sống.

Tổ chức thảo luận: Việc tạo một không gian thảo luận cởi mở, tôn trọng lẫn nhau là điều rất quan trọng và cần thiết. Một không gian như vậy giúp việc chia sẻ trở nên dễ dàng và thoải mái hơn. Việc bày tỏ những cảm giác, cảm nhận sau mỗi câu hỏi có thể làm sáng tỏ quan điểm cá nhân và dễ tìm được sự đồng cảm hơn. Thảo luận trong một môi trường mang tính hỗ trợ có thể giúp hàn gắn, chữa lành vết thương rất hiệu quả.

Quá trình thảo luận còn có thể giúp chấp nhận điều tiêu cực, từ đó tạo bầu không khí cởi mở để tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến những tiêu cực này. Khi tất cả được thực hiện với sự tôn trọng chân thành, HS sẽ dần tháo bỏ được “hàng rào phòng thủ” để biện minh cho những tiêu cực của mình. Một khi những giá trị tích cực được khám phá, các em HS sẽ cảm thấy bản thân mình có giá trị, dần dần thấy tự do và có ý chí mạnh mẽ để hành động khác đi.

- Khám phá các ý tưởng là hoạt động tự suy ngẫm hoặc lên kế hoạch cho nhóm về những hoạt động nghệ thuật, viết nhật ký hoặc kịch. Các hoạt động giá trị có thể khơi dậy niềm thích thú thật sự ở học viên, cổ vũ cho quá trình

“học thật” và thúc đẩy chuyên hóa động cơ thành hành động cụ thể. Phương pháp này có thể giúp giáo viên hiểu và hỗ trợ học sinh:

+ Thể hiện hiểu biết và cảm nhận về giá trị một cách sáng tạo.

+ Phát triển các kỹ năng: kỹ năng xã hội và cảm xúc bản thân, kỹ năng giao tiếp.

+ Phát triển mối quan hệ xã hội, môi trường và thế giới.

Đưa các giá trị vào cuộc sống: thầy cô giáo hướng dẫn học sinh ứng dụng các hành vi dựa trên nền tảng giá trị với gia đình, xã hội và môi trường. Học sinh được yêu cầu lập những kế hoạch để làm mẫu các giá trị khác nhau trong lớp học, trường hoặc cộng đồng.

Học sinh được khuyến khích chia sẻ những vở kịch và bản nhạc của mình cho bạn đồng trang lứa và cho những học sinh nhỏ tuổi hơn. Chính việc cảm thấy bản thân có khả năng tạo nên sự khác biệt sẽ xây dựng lòng tự tin và cam kết sống với các giá trị.

1.5.2. Hình thức tổ chức giáo dục giá trị sống

Giáo dục giá trị sống thông qua hoạt động dạy học. Một trong những hình thức quan trọng nhất để giáo dục giá trị sống cho học sinh là đưa việc giáo dục các giá trị sống vào các môn học. Nhà trường là một tổ chức giáo dục chuyên nghiệp có nội dung chương trình, có phương tiện và phương pháp hiện đại, do một đội ngũ các nhà sư phạm đã được đào tạo bài bản thực hiện. Nhà trường là môi trường giáo dục thuận lợi, có tập thể học sinh cùng nhau học tập, rèn luyện và tu dưỡng. Trong nhà trường, học sinh được tiếp thu những khái niệm đạo đức, văn hóa, thẩm mỹ, những quy tắc, chuẩn mực xã hội thông qua các môn học. Dạy học là hình thức giáo dục chủ động, có hiệu quả, giúp thế hệ trẻ hiểu và đưa các giá trị sống vào thực tế.

Giáo dục giá trị sống thông qua sinh hoạt động tập thể: tổ chức cho học sinh sinh hoạt tập thể là hoạt động giáo dục quan trọng của nhà trường. Tập thể

là một tập hợp nhiều cá nhân cùng hoạt động theo một mục đích tốt đẹp. Trong cuộc sống tập thể, các cá nhân cùng nhau hoạt động, tinh thần đoàn kết, tinh thần thân ái, tinh thần hợp tác cộng đồng được hình thành, bản thân học sinh cũng ý thức được những giá trị sống cơ bản đồng thời biết cách đưa những giá trị sống ấy vào cuộc sống sinh hoạt tập thể, hình thành phẩm chất nhân cách tốt phù hợp với cộng đồng.

Phát triển các kỹ năng: kỹ năng xã hội và cảm xúc bản thân, kỹ năng giao tiếp.

Phát triển mối quan hệ xã hội, môi trường và thế giới.

Đưa các giá trị vào cuộc sống: thầy cô giáo hướng dẫn học sinh ứng dụng các hành vi dựa trên nền tảng giá trị với gia đình, xã hội và môi trường. Học sinh được yêu cầu lập những kế hoạch để làm mẫu các giá trị khác nhau trong lớp học, trường hoặc cộng đồng.

1.6. Quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS

1.6.1. Vai trò của người điều hành trong quản lý hoạt động giáo dục địa phương, giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS

Trong nhà trường phổ thông, Hiệu trưởng là người do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền bổ nhiệm, “Hiệu trưởng quản lý mọi hoạt động của nhà trường theo chế độ thủ trưởng” (điều 4 theo điều lệ nhà trường phổ thông). “Hiệu trưởng là người phụ trách cao nhất ở nhà trường, chịu trách nhiệm trước nhà nước, trước nhân dân, trước cấp trên trực tiếp quản lý mình, về mọi hoạt động giáo dục của nhà trường” (điều 2, quyết định số 243 - CP ngày 28/06/1979 của Hội đồng chính phủ về tổ chức bộ máy biên chế của nhà trường phổ thông).

Hiệu trưởng là người có phẩm chất chính trị tốt, có chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo, mềm dẻo, linh hoạt trong giao tiếp và trong công tác quản lý. Người hiệu trưởng phải tự xây dựng phong cách lãnh đạo dân chủ, quyết đoán, có hiệu quả. Hiệu trưởng phải là linh hồn, là trung tâm của sự đoàn kết nhất trí của tập thể sư phạm và biết phát huy tài năng, trí tuệ, sức lực của cán bộ giáo viên vào sự nghiệp giáo dục của nhà trường. Uxiniki từng nói: “Hiệu trưởng là nhà giáo dục chủ chốt trong nhà trường, giáo dục học sinh thông qua các giáo viên, làm thầy các giáo viên, dạy cho họ khoa học và nghệ thuật giáo dục”.

Hiệu trưởng đóng vai trò quan trọng trong hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS, là người trực tiếp lập kế hoạch quản lý tổ chức chỉ đạo hoạt động giáo dục giá trị sống. Hiệu trưởng chủ động tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường để giáo dục giá trị sống cho học sinh. Hiệu trưởng phải thường xuyên kiểm tra đánh giá quá trình giáo dục giá trị sống cho học sinh. Uxiniki trong cuốn “Trái tim tôi hiến dâng cho trẻ ” đã nói: *“Nếu hiệu trưởng chỉ dạy cách giáo dục mà không trực tiếp tiếp xúc với học sinh thì ông ta không còn là nhà giáo dục nữa, thiếu sự tác động trực tiếp với học sinh, hiệu trưởng sẽ mất đi phẩm chất quan trọng nhất của nhà sư phạm và năng lực tiếp xúc với thế giới tâm hồn trẻ”* [dẫn theo 22, tr.53].

1.6.2. Nội dung quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống qua môn ngữ văn 9

1.6.2.1. Giáo dục giá trị sống thông qua môn Ngữ văn 9

Bộ môn Ngữ văn 9 góp phần rất lớn vào việc bồi dưỡng tâm hồn và kiến thức xữ thế cho học sinh. Ngữ văn 9 đặc biệt là phần văn xuôi, thơ hiện đại, văn học trung đại đã chứa đựng những yếu tố phù hợp với các nội dung cơ bản của giáo dục giá trị sống như: Hòa bình, tôn trọng, khoan dung, trung thực, khiêm tốn, hợp tác, hạnh phúc, trách nhiệm, giản dị, tự do, đoàn kết. Từ những yếu tố đó, giáo dục giá trị sống cho học sinh trong môn Ngữ văn 9 sẽ dần hình thành ở học sinh ở học sinh quan hệ ứng xử đúng đắn với những vấn đề của

cuộc sống, xã hội, thời đại... Hơn nữa kết hợp giáo dục kỹ năng giao tiếp và nhận thức cho học sinh qua môn Ngữ văn sẽ phát huy được các kỹ thuật dạy học tích cực, góp phần nâng cao năng lực lĩnh hội trong học tập có sự tương tác giữa nội dung bài học với những hiểu biết kinh nghiệm trong cuộc sống để học sinh có thể vận dụng linh hoạt vào các tình huống trong thực tế. Chính vì vậy, việc dạy và học môn Ngữ văn sẽ đạt hiệu quả hơn.

Ngữ văn là cách gọi tên môn học hiện hành của Việt Nam (từ THCS đến THPT). Đối với môn Ngữ văn nói chung và môn Ngữ văn lớp 9 nói riêng, cấu trúc của môn học này gồm 3 phần: tiếng Việt, văn học và làm văn. Trong đó, tiếng Việt là phần cung cấp những kiến thức công cụ nền tảng để hình thành và phát triển năng lực đọc văn (tiếp nhận văn bản) và năng lực làm văn (tạo lập văn bản).

Trong chương trình Ngữ văn 9 hiện hành có 3 mục tiêu, trong đó mục tiêu đầu tiên là cung cấp cho học sinh những kiến thức phổ thông, cơ bản, hiện đại, có tính hệ thống về ngôn ngữ (trọng tâm là tiếng Việt) và văn học (trọng tâm là văn học Việt Nam), phù hợp với trình độ phát triển của lứa tuổi và yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mục tiêu thứ hai là hình thành và phát triển năng lực sử dụng tiếng Việt, tiếp nhận văn học, cảm thụ thẩm mỹ... Mục tiêu thứ ba là bồi dưỡng tinh thần, tình cảm như tình yêu tiếng Việt, yêu thiên nhiên, yêu gia đình, lòng tự hào dân tộc... Có thể thấy rõ cấu trúc của nội dung ba mục tiêu môn học này gồm ba yếu tố: kiến thức, năng lực (kỹ năng) và thái độ.

Bộ môn Ngữ văn 9 cũng mang đầy đủ những chức năng của văn học nói chung đối với đời sống con người mà cụ thể là đối với việc nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn, giá trị sống cho các em học sinh, trong đó phải chú ý đến các tác phẩm nổi bật mang các chức năng sau:

Thứ nhất, chức năng nhận thức:

Chức năng nhận thức thể hiện rõ ở vai trò phản ánh hiện thực của văn

học. Nó có thể đem đến cho người học một thế giới tri thức mênh mông về đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân loại từ xưa đến nay; về vẻ đẹp thiên nhiên ở nước mình và trên khắp thế giới.

Văn học là bộ bách khoa toàn thư về cuộc sống. Ăng- ghen cho rằng, đọc tiểu thuyết Ban-zắc, người ta có thể hình dung và hiểu về xã hội nước Pháp hơn là đọc sách của nhiều ngành khoa học xã hội cộng lại. Được như vậy là nhờ chức năng nhận thức của văn học.

Trong chương trình Ngữ văn 9, học sinh sẽ cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa đẹp như bức tranh trong “Lặng lẽ Sa Pa” của nhà văn Nguyễn Thành Long; vẻ đẹp bình dị, thân quen của khung cảnh làng quê Bắc Bộ qua văn bản: “Sang thu” của nhà thơ Hữu Thỉnh...

Mặt khác, văn học còn giúp con người nhận thức về bản thân mình. Từ bao thế kỷ nay, con người thường băn khoăn trước những câu hỏi lớn: “Mình sống để làm gì?”; “Làm thế nào để sung sướng, hạnh phúc?”... Toàn bộ văn học cổ kim, đông tây đều thể hiện sự tìm tòi, suy nghĩ không biết mệt mỏi của con người để giải đáp những câu hỏi đó. Trong chương trình Ngữ văn lớp 9, những tác phẩm: “Truyện Kiều” (Nguyễn Du); “Người con gái Nam Xương” (Nguyễn Dữ); “Làng” (Kim Lân)... đều giúp cho học sinh thấy cái gì là đáng yêu, đáng ghét trong xã hội, giúp học sinh có khả năng phân tích, đánh giá để nhận ra chân giá trị của mỗi con người.

Chức năng giáo dục:

Văn học nuôi dưỡng tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của con người. Định nghĩa nổi tiếng của nhà văn M.Gorki: Văn học là nhân học, trước hết nhân mạnh đến mục đích của văn học là giúp con người hiểu được chính mình, nâng cao niềm tin vào bản thân và làm nảy sinh trong con người một khát vọng hướng tới chân lý, biết đấu tranh với cái xấu, biết tìm tòi và hướng tới cái đẹp của con người và cuộc sống. Trong hai đoạn trích: “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” và “Lục Vân Tiên gặp nạn” (Trích Truyện Lục Vân Tiên- Nguyễn Đình Chiểu), giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách

của các nhân vật chính nghĩa trong tác phẩm, khát vọng cứu người, giúp đời của tác giả.

Bài thơ “Sang thu” của nhà thơ Hữu Thỉnh là sự cảm nhận vô cùng tinh tế của tác giả trước khoảnh khắc sang mùa của thiên nhiên, đất trời; Trong bài thơ “Ánh trăng” của nhà thơ Nguyễn Duy giúp học sinh thấm thía cảm xúc ân tình, tri ân với quá khứ gian lao, tình nghĩa và rút ra bài học sống cho riêng mình.

Qua tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa” của nhà văn Nguyễn Thành Long, giúp học sinh cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của các nhân vật trong truyện: anh thanh niên, cô kỹ sư, bác lái xe... trong công việc thầm lặng, trong cách sống bình dị nhưng hết lòng vì công việc không màng đến danh lợi của bản thân.

Như vậy, văn học có chức năng nuôi dưỡng tâm hồn, trí tuệ, tình cảm, đạo đức cho con người. Văn học luyện cho người đọc thói quen cảm thụ tinh tế, mài sắc khả năng nhận ra cái thật, cái giả, cái thiện, cái ác trong cuộc sống.

Văn học nâng đỡ cho nhân cách, giúp hình thành nhân cách, giáo dục con người tình cảm đúng đắn, trong sáng, biết yêu cái tốt, ghét cái xấu, dám xả thân vì nghĩa và biết sống đúng đạo lí làm người. Đặc điểm của văn học là thông qua sự kiện, hình tượng trong tác phẩm để khơi gợi, kích thích người đọc về mặt tình cảm, buộc họ phải bày tỏ thái độ và suy nghĩ để có hành động đúng. Mặt khác, văn học giúp con người tự giáo dục, tự hoàn thiện để sống tốt đẹp hơn, hữu ích hơn cho xã hội.

Chức năng thẩm mỹ:

Văn học mang lại sự hưởng thụ lành mạnh, bổ ích cho tâm hồn, nâng cao con người lên trên những dục vọng và lợi ích vật chất tầm thường. Đi vào thế giới của văn học, người đọc chia sẻ buồn vui, sướng khổ với nhân vật. Văn học đem đến cho con người một niềm vui tinh thần hoàn toàn vô tư nhưng không bàng quan, vô trách nhiệm

Trong tác phẩm “Làng” của nhà văn Kim Lân, các em học sinh cảm nhận được tình yêu quê hương thấm thiết thống nhất với lòng yêu nước và tinh thần

kháng chiến của ông Hai. Tình yêu làng của ông diễn tả theo từng cung bậc cảm xúc: yêu có, ghét có, tự hào có, tủi hổ có...

Nhân vật Nhĩ trong tác phẩm “Bến quê” (Nguyễn Minh Châu), lại giúp học sinh cảm nhận được tâm trạng của một con người mang tính triết lý vô cùng sâu sắc: vẻ đẹp bình dị và quý giá trong những gì gần gũi với quê hương, gia đình: một bãi bồi bên sông, một bông bằng lăng cuối mùa đã nhạt màu, một con đò nhỏ, một mảnh vá nhỏ trên tấm áo người vợ...

Qua những tác phẩm ấy, đã giúp cho đời sống tinh thần của người đọc phong phú hơn bởi nội dung sâu sắc và tính nghệ thuật cao.

Bộ môn Ngữ văn 9 góp phần rất lớn vào việc bồi dưỡng tâm hồn và kiến thức xử thế cho học sinh. Ngữ văn 9 đặc biệt là phần văn xuôi, thơ hiện đại, văn học trung đại đã chứa đựng những yếu tố phù hợp với các nội dung cơ bản của giáo dục giá trị sống như: Hòa bình, tôn trọng, khoan dung, trung thực, khiêm tốn, hợp tác, hạnh phúc, trách nhiệm, giản dị, tự do, đoàn kết. Từ những yếu tố đó, giáo dục giá trị sống cho học sinh trong môn Ngữ văn 9 sẽ dần hình thành ở học sinh ở học sinh quan hệ ứng xử đúng đắn với những vấn đề của cuộc sống, xã hội, thời đại... Hơn nữa kết hợp giáo dục kỹ năng giao tiếp và nhận thức cho học sinh qua môn Ngữ văn sẽ phát huy được các kỹ thuật dạy học tích cực, góp phần nâng cao năng lực lĩnh hội trong học tập có sự tương tác giữa nội dung bài học với những hiểu biết kinh nghiệm trong cuộc sống để học sinh có thể vận dụng linh hoạt vào các tình huống trong thực tế. Chính vì vậy, việc dạy và học môn Ngữ văn sẽ đạt hiệu quả hơn.

1.6.2.2. Nội dung quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống qua môn Ngữ văn 9

Các nội dung quản lý của Hiệu trưởng đối với công tác giáo dục giá trị sống cho học sinh qua môn Ngữ văn 9:

a. Quản lý thực hiện mục tiêu:

Cũng như tất cả các hoạt động giáo dục khác, để thực hiện đạt hiệu quả công tác giáo dục giá trị sống cho học sinh qua môn Ngữ văn 9, người hiệu trưởng phải quản lý chỉ đạo việc thực hiện mục tiêu của giáo dục giá trị sống.

Muốn vậy, người hiệu trưởng phải đảm bảo việc chỉ đạo thực hiện một số nguyên tắc sau:

- Giáo dục học sinh qua thực tiễn sinh động của xã hội: Nguyên tắc này đòi hỏi người giáo viên giảng dạy môn Ngữ văn lớp 9 phải xây dựng mục tiêu bài học có nội dung giáo dục giá trị sống cho học sinh phải gắn liền với đời sống thực tiễn của xã hội, của cả nước và địa phương, phải nhạy bén với tình hình chuyển biến của địa phương và của cả nước, đưa những thực tiễn đó vào những giờ lên lớp, vào những hoạt động của nhà trường để giáo dục các em học sinh.

Khi xây dựng nội dung giáo dục giá trị sống cho học sinh thông qua một số tác phẩm: Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long), Đoàn thuyền đánh cá (Huy Cận), Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới... giáo viên cần gắn nội dung kiến thức tác phẩm với hoàn cảnh thực tiễn của đất nước, của địa phương, yêu cầu của xã hội cần những con người lao động cần cù, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Từ đó, giáo dục ý thức, trách nhiệm của các em, lứa tuổi THCS ý thức trách nhiệm, tinh thần học tập đúng đắn, hiệu quả, hình thành những đức tính, thói quen tốt của con người lao động khi đất nước bước vào thời kỳ CNH, HĐH.

- Giáo dục theo nguyên tắc tập thể: Nguyên tắc này thể hiện ở cả 3 nội dung:
 - + Hướng dẫn học sinh cảm nhận được tinh thần tập thể;
 - + Giáo dục các phẩm chất, các kỹ năng thông qua sức mạnh của tập thể;
 - + Giáo dục học sinh tinh thần vì tập thể.

Khi xây dựng nguyên tắc này trong mục tiêu các bài dạy: “Những ngôi sao xa xôi” (Lê Minh Khuê); “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” (Phạm Tiến

Duật); “Đồng chí” (Chính Hữu), người giáo viên có vai trò làm nẩy nở, khuyến khích học sinh cảm nhận được các phẩm chất tốt đẹp như tinh thần tập thể, tính tổ chức kỷ luật, tình đồng chí và tình bạn, tinh thần hợp tác và giúp đỡ lẫn nhau, tính khiêm tốn học hỏi mọi người,... nó phát huy và có tác dụng điều chỉnh những động cơ kích thích bên trong góp phần rất lớn vào việc giáo dục giá trị sống cũng như việc hình thành và phát triển nhân cách học sinh.

Giáo dục giá trị sống phải phối hợp với đặc điểm lứa tuổi học sinh và đặc điểm hoàn cảnh cá nhân học sinh: Đối với học sinh trung học cơ sở, là lứa học sinh có đặc điểm quá độ, phức tạp và nhiều mâu thuẫn trong sự phát triển tâm lý cũng như sinh lý lứa tuổi. Các em dễ vui, dễ buồn, dễ hăng say, dễ chán nản, muốn hiểu biết nhiều và làm nhiều việc lớn nhưng vì khả năng còn hạn chế nên dễ nảy sinh mâu thuẫn giữa ước mơ và năng lực. Do đó, công tác giáo dục giá trị sống cần phải chú ý những đặc điểm đó đồng thời chú ý đến cá tính, giới tính của các em để có hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục phong phú, sinh động cũng như có phương pháp giáo dục thích hợp.

b. Quản lý xây dựng kế hoạch giáo dục môn Ngữ văn 9:

Việc xây dựng kế hoạch là một công đoạn không thể thiếu được trong quản lý bất kỳ một công tác nào của hiệu trưởng; có xây dựng kế hoạch, người hiệu trưởng mới xác định được mục tiêu sẽ đạt đến, các biện pháp thực hiện, thời gian tiến hành và hoàn thành, chỉ tiêu cần đạt,... Tránh trường hợp được chăng hay chớ, tới đâu hay tới đó.

Để việc xây dựng kế hoạch giáo dục giá trị sống cho học sinh, đặc biệt là giáo dục qua môn Ngữ văn lớp 9 được tốt, trước hết, người giáo viên phải xác định được mục tiêu trong mỗi bài dạy. Từ mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, thái độ, người giáo viên xác định nội dung giáo dục giá trị sống cần lồng ghép trong bài học đó là gì để xây dựng kế hoạch cho phù hợp. Từ đó, sẽ có phương pháp giảng dạy hiệu quả để nội dung giáo dục giá trị sống không bị gò ép, sáo rỗng,

tạo hứng thú cho học sinh trong mỗi giờ học. Muốn đạt được điều đó, người giáo viên cần có cái nhìn tổng quát nội dung, chương trình Ngữ văn lớp 9 để định hướng các nội dung sao cho phù hợp. Đồng thời, phải tìm hiểu, nắm bắt đặc điểm tình hình khối lớp mình được phân công giảng dạy, hiểu rõ trình độ nhận thức, hoàn cảnh sống, đặc điểm tính cách của từng học sinh. Ví dụ, các tác phẩm: Đồng chí, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Làng, Những ngôi sao xa xôi... cần giáo dục cho học sinh thấy được khát vọng hòa bình của dân tộc, tình yêu quê hương, đất nước, sự hi sinh thầm lặng... Từ đó, các em thấy tự hào về những trang lịch sử dân tộc và lớp lớp cha ông đi trước.

c. Hiệu trưởng quản lý công tác giáo dục giá trị sống thông qua công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và quản lý tốt các hoạt động trường, lớp.

Bằng nhiều hình thức và nhiều biện pháp, người hiệu trưởng cần làm cho tập thể sư phạm của nhà trường nhận thức được rằng giáo dục giá trị sống cho học sinh là công tác cấp thiết, cần tiến hành thường xuyên, liên tục, ở mọi lúc, mọi nơi; trong tất cả các hoạt động đều có thể và phải thực hiện yêu cầu này. Một giờ dạy trên lớp không chỉ đơn thuần là truyền thụ kiến thức khoa học cho học sinh mà còn là rèn các thao tác, kỹ năng học tập, ứng xử, giáo dục cho các em những hành vi, cử chỉ, tình cảm, nhân sinh quan, thế giới quan đúng đắn,... đặc biệt, trong một giờ dạy học văn, không chỉ yêu cầu học sinh nắm vững những kiến thức về nghệ thuật, về nội dung bài học, mà thông qua bài giảng, còn giúp học sinh cảm nhận được những giá trị, những tình cảm đạo đức tốt như: tình yêu quê hương đất nước, yêu lao động, lòng tự hào dân tộc, lòng căm ghét bọn cướp nước, bán nước, ăn bám,... Nói chung, nhiều bài giảng nếu dạy tốt theo nghĩa đầy đủ là: đảm bảo tính chính xác khoa học, có hệ thống, có trọng tâm và dạy với cả lương tâm người thầy thì tự bản thân những giờ lên lớp đó đã mang tính giáo dục cao, đạt được hiệu quả ở cả ba thành tố của học vấn, đó là: kiến thức, kỹ năng và thái độ.

Một đặc điểm quan trọng của công tác giáo dục học sinh là giáo dục

thông qua nêu gương có tính thuyết phục cao.

Công tác giáo dục cho học sinh là công việc và trách nhiệm của mỗi giáo viên, của toàn bộ các thành viên trong nhà trường chứ không phải là của riêng giáo viên chủ nhiệm hay một vài giáo viên nào. Do đó, để làm tròn trách nhiệm này thì trước hết mỗi thầy cô giáo phải là người thể hiện tốt những mẫu mực về nhân cách, về các kỹ năng nhất là kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp ứng xử,...

Hiệu trưởng phải giúp cho giáo viên nhận thức rõ trách nhiệm nặng nề nhưng vẻ vang của mình là đào tạo con người, để giáo viên phải thương yêu học sinh thật sự, phải có ý thức trách nhiệm về mọi hành vi, ngôn ngữ, cử chỉ của mình đối với học sinh, bản thân thầy cô phải là tấm gương cho học sinh noi theo, phải tin tưởng, tôn trọng học sinh thì mới có thể giáo dục tốt được. Muốn vậy, người hiệu trưởng phải chú trọng công tác bồi dưỡng, phải tổ chức làm sao cho tập thể giáo viên trong trường gương mẫu về mọi mặt, đoàn kết nhất trí thành một khối thống nhất có tác dụng giáo dục mạnh mẽ đối với học sinh. Vì một trong những nguyên tắc giáo dục là: Phải thống nhất mọi ảnh hưởng giáo dục ngay trong nhà trường, tránh tình trạng “ông nói gà, bà nói vịt”, người quan tâm, kẻ thờ ơ,...

Ngoài ra, người hiệu trưởng cũng cần phải lưu ý đến việc tạo những điều kiện phương tiện cần thiết để các em thực hiện những yêu cầu, những thao tác, kỹ năng, những hành vi do nhà trường đề ra cho các em, tránh việc nhà trường chỉ biết yêu cầu này đến yêu cầu khác mà không xây dựng, không tạo điều kiện, phương tiện để thực hiện những yêu cầu đó.

Tuy nhiên người hiệu trưởng cũng cần lưu ý giáo viên tránh lối giáo dục giá trị sống một cách đơn giản, lý thuyết sáo rỗng, gương ép hoặc đơn điệu,... bởi sẽ kém hiệu quả, mất đi tác dụng giáo dục.

d. Hiệu trưởng quản lý công tác giáo dục giá trị sống thông qua công tác chỉ đạo xây dựng nội dung kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn:

Để đáp ứng những mục tiêu mới của giáo dục, và đặc biệt là nội dung giáo dục giá trị sống cho học sinh thông qua các môn học nói chung và môn Ngữ văn nói riêng, việc kiểm tra đánh giá cũng phải đổi mới theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh, khuyến khích vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế, làm bộc lộ những cảm xúc, thái độ của học sinh trước những vấn đề đặt ra trong cuộc sống phức tạp hiện nay.

Do yêu cầu đặc trưng của bộ môn, nên kiểm tra, đánh giá trong môn Ngữ văn cần hạn chế những câu hỏi mang tính hàn lâm, khoa học, cần chú trọng vào những kiến thức liên hệ thực tế, giáo dục, bồi dưỡng các giá trị sống cần thiết cho học sinh. Ví dụ, khi kiểm tra kiến thức trong bài tiếng Việt: “Nghĩa tường minh và hàm ý”, ngoài việc giúp học sinh hiểu khái niệm thế nào là nghĩa tường minh, hàm ý, giáo viên cần đặc biệt chú trọng cho học sinh biết cách sử dụng hai cách giao tiếp này trong cuộc sống để thể hiện thái độ tôn trọng, khiêm tốn... với những người xung quanh...

1.7. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS

1.7.1. Tác động của xã hội đối với giáo dục giá trị sống

Truyền thống yêu nước, lòng nhân ái, ý thức cộng đồng đã phản ánh một cách chân thực những đặc điểm về chính trị, kinh tế, xã hội của dân tộc ta trong suốt chiều dài lịch sử dựng và giữ nước. Do điều kiện xã hội đã thay đổi, mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng đã có những sắc thái mới, bản thân những giá trị này đã được bổ sung thêm những nội dung mới.

Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá VIII, Đảng ta nhận định “các giá trị văn hoá ngày càng thể hiện rõ hơn vai trò tích cực và khả năng tác động mạnh vào các lĩnh vực của đời sống. Những nét mới trong chuẩn mực văn hoá và trong nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá từng bước được hình thành” thì “những thành tựu tiến bộ đạt được

trong lĩnh vực văn hoá còn chưa tương xứng và chưa vững chắc, chưa đủ để tác động có hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt là lĩnh vực tư tưởng đạo đức lối sống”.

1.7.2. Ảnh hưởng của gia đình và quan hệ xã hội

Gia đình là nơi nuôi dưỡng và dạy dỗ đầu tiên của mỗi con người. Gia đình cũng là điểm tựa tạo nên sức mạnh tinh thần, tình cảm và cả vật chất cho mỗi người con trong gia đình đó.

Quan hệ xã hội có ảnh hưởng không nhỏ tới học sinh, cần có sự đồng nhất giữa hệ thống giá trị của gia đình và xã hội thì nhân cách học sinh phát triển thuận lợi. Cần xác định những giá trị sống phổ quát phù hợp với mong đợi của nhà trường và xã hội thì đó sẽ là thuận lợi lớn cho phát triển giá trị sống của học sinh THCS.

1.7.3. Năng lực của cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên

Giáo dục nhà trường phải thực sự là hạt nhân, đảm bảo thống nhất về mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục để nhằm đạt được hiệu quả giáo dục cao. Năng lực của cán bộ quản lý và đội ngũ giáo viên ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng công tác giáo dục.

Để công tác quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS có hiệu quả thì chất lượng thực hiện các chức năng quản lý có vai trò quan trọng. Nếu hiệu trưởng làm tốt các chức năng quản lý trong giáo dục giá trị sống (lập kế hoạch cụ thể, tổ chức phân công hợp lý, chỉ đạo sát sao việc thực hiện, kiểm tra, đánh giá đúng...) thì công tác quản lý sẽ đạt hiệu quả cao. Ngược lại, nếu hiệu trưởng làm không tốt các chức năng quản lý thì công tác quản lý khó có thể đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ GV cũng là một yếu tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục. Thực tế, trong các nhà trường sư phạm mới quan tâm chú trọng nhiều đến đào tạo GV về chuyên môn. Do vậy, khi ra trường công tác thường giáo viên ít có kinh nghiệm và kiến thức trong công tác giáo dục GTS. Những kiến thức và kinh nghiệm GV D GTS thường chỉ được hình thành qua thực tiễn công tác của bản thân mỗi GV.

1.7.4. Nhận thức của giáo viên, học sinh và xã hội

Tuyên truyền, giáo dục ý thức trách nhiệm cho mọi người trong việc giáo dục thế hệ trẻ và giáo dục hoàn thiện nhân cách cho mọi người là một giải pháp quan trọng tạo ra hoạt động thống nhất.

Tiểu kết chương 1

Trong công cuộc đổi mới đất nước ta hiện nay, đòi hỏi phải coi trọng nhân tố con người, coi trọng cả đức - trí - thể - mỹ - nghề nghiệp. Trong sự phát triển tâm lực - trí lực - thể lực thì tâm lực đóng vai trò nền tảng, bộ phận cho sự phát triển của trí lực và thể lực và đảm bảo cho một sự phát triển bền vững.

Trên đây là các cơ sở lý luận được xây dựng từ góc độ lý luận quản lý giáo dục và góc độ lý luận giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS. Các khái niệm và các khái quát hóa lý luận đã cố gắng hình thành một khung lý thuyết đảm bảo cho việc khảo sát và phân tích thực trạng quản lý công tác giáo dục giá trị sống ở các trường THCS trong một quận đảm bảo một cơ sở lý luận khoa học cho việc đề xuất các biện pháp quản lý công tác giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS trên địa bàn huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH THCS QUA MÔN NGỮ VĂN 9 Ở HUYỆN ĐOAN HÙNG- TỈNH PHÚ THỌ

2.1. Khái quát về tình hình phát triển kinh tế, giáo dục cấp THCS của địa phương

2.1.1. Về địa lý và phát triển kinh tế xã hội

Đoan Hùng là huyện miền núi thuộc phía Bắc của tỉnh Phú Thọ, phía Đông và phía Bắc giáp tỉnh Tuyên Quang, phía Nam giáp huyện Phù Ninh, Thanh Ba của tỉnh Phú Thọ, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái. Diện tích tự nhiên của huyện là 302.4 km², dân số là 110.000 người, trên địa bàn huyện có 14 dân tộc cùng chung sống. Huyện có 27 xã và một thị trấn trong đó có 05 xã thuộc vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Trên địa bàn huyện có Quốc lộ số 2 nối Thủ đô Hà Nội với các tỉnh biên giới phía Bắc chạy qua. Cơ cấu kinh tế của huyện là: Nông - Lâm nghiệp (40%); Công nghiệp (30%) và dịch vụ (20%), thu nhập bình quân 22.000.000đồng/người/năm.

2.1.2. Tình hình phát triển giáo dục

Toàn huyện có 29 trường mầm non, 30 trường tiểu học, 25 trường THCS, 01 trường phổ thông DTNT; 03 trường THPT; 01 trung tâm GDNN-GDTX và 28 trung tâm học tập cộng đồng của 28 xã và thị trấn, đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân.

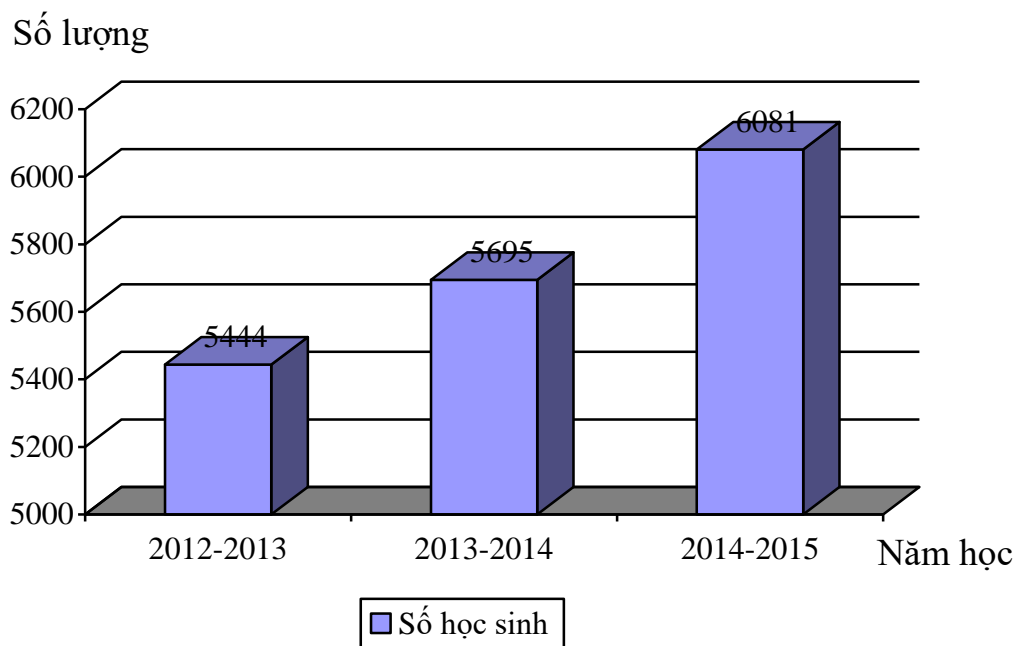
Những năm qua, huyện Đoan Hùng đã được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và sự đóng góp của nhân dân đầu tư cho phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ công tác dạy và học. 100% các trường học trên địa bàn huyện có đủ phòng học từ bán kiên cố trở lên cho học sinh học tập không còn phòng học tranh tre nứa lá, phòng học tạm. Các trường có đầy đủ trang thiết bị phục vụ công tác giảng dạy. Toàn huyện có 01 trường THPT; 09 trường THCS; 28 trường tiểu học; 14 trường mầm non đạt danh hiệu trường Chuẩn quốc gia.

Nhận thức của nhân dân huyện Đoan Hùng đã được nâng cao, phụ huynh học sinh đã thấy được tầm quan trọng của việc học tập nên nhu cầu học tập ngày càng tăng. Yêu cầu đảm bảo chất lượng được quan tâm nhiều hơn, Vì vậy, trang thiết bị và mạng lưới trường lớp ngày càng phát triển.

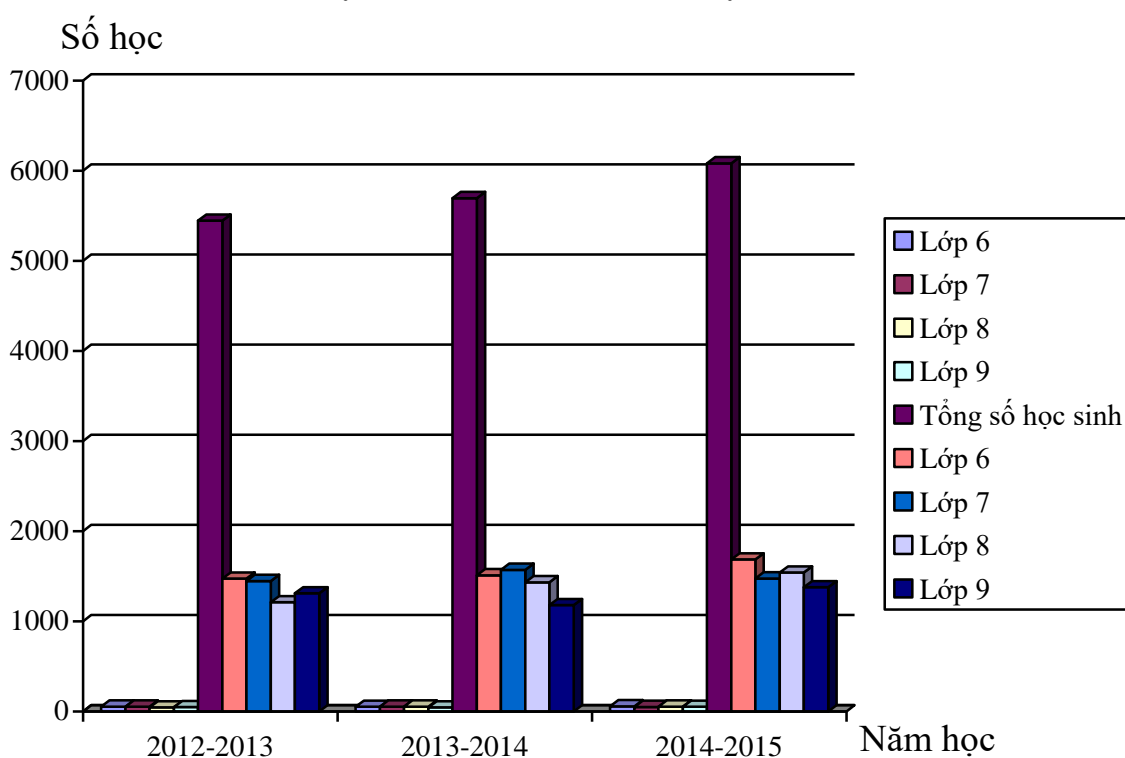
Giáo dục Đoan Hùng nói chung và giáo dục THCS của huyện Đoan Hùng nói riêng trong những năm qua không ngừng phát triển và đi vào ổn định về mạng lưới trường lớp và chất lượng. Có thể khái quát hệ thống giáo dục THCS huyện Đoan Hùng qua bảng số liệu sau:

STT	Các tiêu chí	Năm học 2012-2013	Năm học 2013-2014	Năm học 2014-2015
1	Số trường	26	26	26
	Trường đạt Chuẩn quốc gia	6	7	9
2	Tổng số lớp	201	205	215
	Lớp 6	54	52	58
	Lớp 7	54	54	51
	Lớp 8	45	54	54
	Lớp 9	48	45	52
3	Tổng số học sinh	5444	5695	6081
	Lớp 6	1474	1512	1687
	Lớp 7	1448	1571	1475
	Lớp 8	1211	1433	1541
	Lớp 9	1311	1179	1378
4	Tổng số CBQL, GV, NV	532	544	555
	CBQL	47	49	48
	GV	439	443	454
	NV	46	52	53
	Giáo viên đạt Chuẩn	437	441	452
5	Tổng số phòng học, phòng bộ môn	294	323	329
	Kiên cố	249	303	310
	Bán kiên cố	24	8	12
	Cấp 4	21	12	7
6	Một số tỷ lệ			
	Tỷ lệ học sinh/lớp	27,08	27,78	28,28
	Tỷ lệ GV/lớp	2,18	2,16	2,11

• *Số lượng học sinh:*

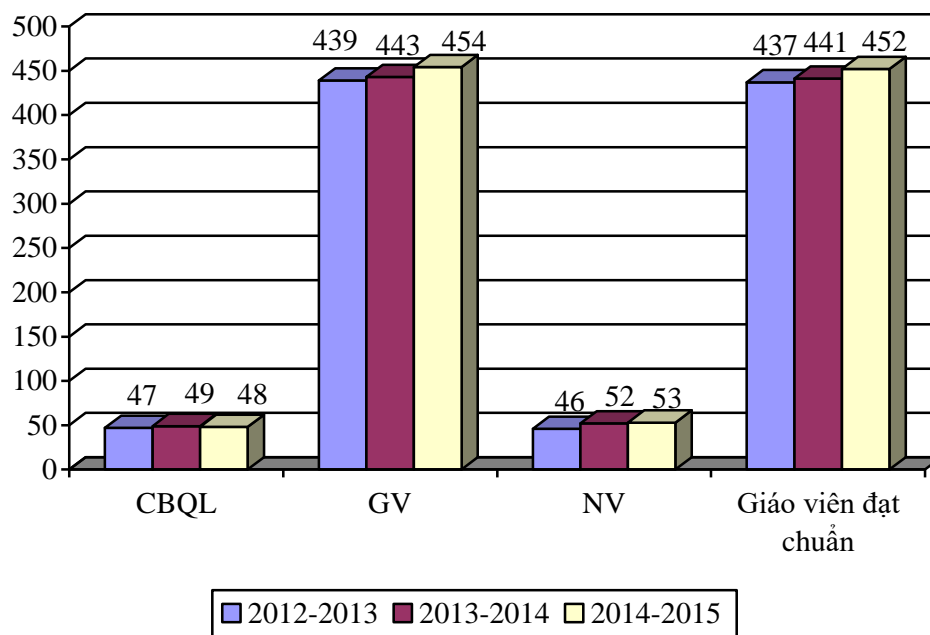


Biểu đồ 2.1. Số lượng học sinh THCS huyện Đoàn Hùng từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015



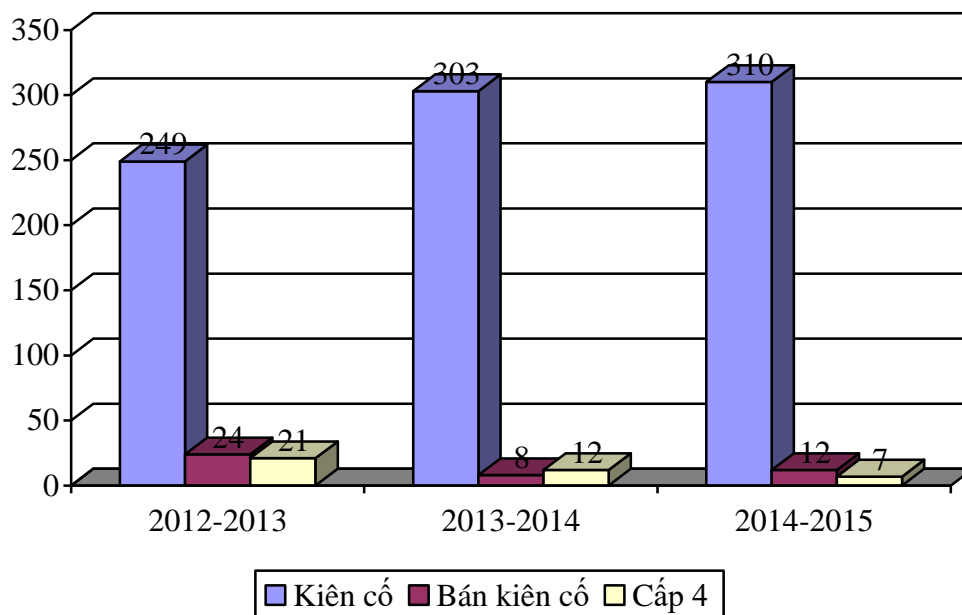
Biểu đồ 2.2. Số lượng học sinh THCS huyện Đoàn Hùng từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015 chia theo khối lớp

• *Đội ngũ CBQL, GV, NV:*



Biểu đồ 2.3. Số lượng CBQL, GV, NV cấp THCS huyện Đoan Hùng từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015

** Phòng học, phòng chức năng phục vụ công tác dạy và học ở cấp THCS*



Biểu đồ 2.4. Phòng học phục vụ cho dạy và học cấp THCS huyện Đoan Hùng từ năm học 2012-2013 đến năm học 2014-2015

Qua biểu đồ trên ta thấy số lớp, số học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất phục vụ cho giáo dục THCS của huyện Đoan Hùng ngày càng phát triển và ổn định. Tỷ lệ giáo viên đảm bảo đủ về số lượng cơ bản đồng bộ về cơ cấu. Đây là điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, giảng dạy và đảm bảo chất lượng giáo dục của huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Thực trạng giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS ở huyện Đoan Hùng - Phú Thọ

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả đã tiến hành điều tra bằng phiếu hỏi 260 người ở bốn trường (trường THCS Vân Du, trường THCS Hùng Quan, trường THCS Đại Nghĩa và trường THCS Đoan Hùng) trên địa bàn huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, với các thành phần có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác giáo dục giá trị sống. Cụ thể như sau:

Bảng 2.1. Bảng thống kê số người khảo sát

STT	Đối tượng khảo sát	Số lượng
1	Cán bộ quản lý và giáo viên các trường THCS	60
2	Cha mẹ học sinh	50
3	Học sinh	150
Tổng số		260

2.2.1. Thực trạng nhận thức của giáo viên, học sinh về giáo dục GTS.

Để có cơ sở đánh giá quá trình nhận thức của giáo viên về hoạt động GD GTS cho học sinh, tác giả đã khảo sát 12 cán bộ quản lý và 48 giáo viên. Kết quả khảo sát về vấn đề này được thể hiện như số liệu bảng 2.2:

Bảng 2.2. Bảng thống kê kết quả khảo sát nhận thức của giáo viên, học sinh về giáo dục giá trị sống trong trường THCS

STT	Nội dung	Ý kiến					
		Rất cần thiết		Cần thiết		Ít cần thiết	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
1.	Thực hiện GD GTS thông qua việc lồng ghép GD kiến thức khoa học ở các bộ môn (Trong đó có bộ môn ngữ văn).	47	78	13	22	0	0
2.	GD GTS thông qua các hoạt động NGLL.	57	95	3	5	0	0
3.	GD GTS thông qua việc xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh.	60	100	0	0	0	0
4.	GD GTS từ chính những trải nghiệm trong thực tế cuộc sống.	26	43	34	57	0	0

Qua bảng thống kê trên chúng ta thấy, các cán bộ quản lý và các giáo viên ở các trường THCS được khảo sát đã đánh giá ở mức độ tuyệt đối với công tác GD GTS thông qua việc xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh. Họ đều cho rằng, việc GD GTS hiệu quả nhất phải xuất phát chính từ môi trường giáo dục với mối quan hệ giữa đồng nghiệp với đồng nghiệp, giữa thầy với trò và giữa học trò với nhau bởi đó là giáo dục thiết thực thể hiện bằng những hành động cụ thể chứ không phải chỉ từ lý thuyết suông. Mức độ rất cần thiết thể hiện thấp nhất ở mục 4 - GD GTS từ chính những trải nghiệm trong thực tế cuộc sống. Những người được khảo sát cho rằng, GD GTS từ những trải nghiệm trong thực tế cuộc sống là một hoạt động còn quá trừu tượng và chưa thực sự có hiệu quả trong nhà trường vì hoạt động này diễn ra ở một môi trường rộng, khả năng theo sát và định hướng giáo dục của giáo viên không thể phủ khắp. Lúc này cần có sự phối hợp của các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường. Còn việc thực hiện GD GTS thông qua việc lồng ghép GD kiến thức khoa học ở các bộ môn (Trong đó có bộ môn ngữ văn) là còn ở mức độ tương đối khiêm tốn (với 78% ở mức độ rất cần thiết).

2.2.2. Năng lực của cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đối với công tác giáo dục GTS cho học sinh THCS.

Chất lượng đội ngũ GV cũng là một yếu tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục. Thực tế, trong các nhà trường sư phạm mới quan tâm chú trọng nhiều đến đào tạo GV về chuyên môn. Do vậy, khi ra trường công tác thường giáo viên ít có kinh nghiệm và kiến thức trong công tác giáo dục GTS. Những kiến thức và kinh nghiệm GD GTS thường chỉ được hình thành qua thực tiễn công tác của bản thân mỗi GV.

Giáo dục GTS cho học sinh THCS là quá trình giúp học sinh tiếp thu, lĩnh hội được những giá trị phổ quát của xã hội, biến thành những giá trị đặc trưng của bản thân mỗi học sinh, giúp cho các em có suy nghĩ, thái độ và hành động tích cực, hiệu quả, phù hợp với bản thân và đáp ứng mong đợi của cộng đồng, xã hội.

Để có cơ sở tìm hiểu về việc thực hiện mục tiêu GD GTS, tác giả đã tiến hành khảo sát 9 cán bộ quản lý và 61 giáo viên trên địa bàn nghiên cứu. Kết quả được thể hiện qua bảng 2.3:

Bảng 2.3. Bảng thống kê kết quả khảo sát năng lực của cán bộ quản lý, đội ngũ giáo viên đối với công tác giáo dục GTS cho học sinh THCS:

STT	Mục tiêu GD GTS	Mức độ thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Truyền thụ kiến thức về các GTS.	55	12	3	0
2	Rèn luyện kỹ năng, hành vi tương ứng.	23	31	16	0
3	Gây dựng niềm tin, trau dồi nhân cách sống.	46	15	9	0

Qua kết quả khảo sát có thể thấy: các mục tiêu GD GTS đã được nhà trường quan tâm và được đánh giá ở mức độ khá tốt. Trong đó, hai mục tiêu được đánh giá đạt mức độ tốt là thụ kiến thức về các GTS và gây dựng niềm tin, trau dồi nhân cách sống. Tuy nhiên việc rèn luyện kỹ năng, hành vi tương

ứng là chưa thực sự tốt. Đây cũng là một thực trạng cần lưu ý, khắc phục trong công tác quản lý giáo dục.

2.2.3. Thực trạng việc thực hiện nội dung GD GTS

Để tìm hiểu về thực trạng thực hiện nội dung GDGTS tác giả đã tiến hành khảo sát 12 CBQL và 48 GV về việc thực hiện các nội dung GD GTS trong trường THCS. Kết quả thể hiện ở bảng 2.4:

Bảng 2.4. Bảng tổng hợp đánh giá việc thực hiện nội dung GD GTS

STT	Nội dung GD GTS	Mức độ thực hiện			
		Tốt	Khá	TB	Yếu
1	Hòa bình	51	09	0	0
2	Tôn trọng	43	12	05	0
3	Yêu thương	41	15	04	0
4	Khoan dung	37	18	05	0
5	Trung thực	35	15	10	0
6	Khiêm tốn	41	14	05	0
7	Hợp tác	38	09	13	0
8	Hạnh phúc	45	12	03	0
9	Trách nhiệm	33	19	08	0
10	Giản dị	47	09	04	0
11	Tự do	48	12	0	0
12	Đoàn kết	39	15	06	0

Kết quả khảo sát cho thấy, về cơ bản các nội dung GD GTS đã được thực hiện khá tốt. Giá trị Hòa bình và Tự do là hai giá trị được đánh giá thực hiện ở mức độ tốt cao nhất. Tuy nhiên giá trị Hợp tác, Trung thực và Trách nhiệm tỉ lệ đánh giá ở mức độ trung bình còn khá cao (trên 10%) trong khi chúng ta thấy đây cũng là những giá trị rất quan trọng cần giáo dục cho học

sinh để giúp các em hình thành những kỹ năng sống cần thiết của người công dân trong thời đại mới. Kết quả khảo sát đã thể hiện trung thực thực trạng đang diễn ra trong các trường THCS, với các em học sinh ở lứa tuổi này, tính cá nhân đang được đề cao vì vậy sự hợp tác và ý thức trách nhiệm với tập thể cũng là điều mà các thầy cô giáo, các cán bộ quản lý cần lưu tâm và có biện pháp giáo dục phù hợp.

2.3. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS

2.3.1. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS qua môn Ngữ văn 9

2.3.1.1. Thực trạng việc quản lý thực hiện mục tiêu:

Việc xác định mục tiêu giáo dục GTS cho học sinh trong mỗi bài giảng là rất quan trọng. Nó giúp cho người giáo viên định hướng về nội dung kiến thức, phương pháp, cách thức lồng ghép, truyền đạt đến học sinh sao cho hiệu quả nhất mà không gò ép và mang tính hình thức.

Để tìm hiểu thực trạng việc thực hiện mục tiêu giáo dục GTS cho học sinh qua môn Ngữ văn 9, tác giả đã tiến hành khảo sát 20 cán bộ giáo viên, trong đó có 5 Tổ trưởng chuyên môn, 5 Phó hiệu trưởng, 10 giáo viên Ngữ văn về việc xây dựng mục tiêu có lồng ghép nội dung giáo dục GTS. Kết quả như sau:

Bảng 2.5. Bảng thống kê thực trạng quản lý thực hiện mục tiêu GD GTS

STT	Nội dung khảo sát	Mức độ thực hiện	
		Thường xuyên	Không thường xuyên
1	Xây dựng mục tiêu GTS	5	5
2	Kiểm tra, rà soát hàng tháng	15	5
3	Kiểm tra, rà soát từng học kỳ	20	0
4	Kiểm tra, rà soát cả năm	20	0

Từ kết quả trên có thể thấy công tác xây dựng mục tiêu GTS cho học sinh qua môn Ngữ văn 9 chưa được thường xuyên, công tác quản lý, kiểm tra, rà soát còn mang tính định kì. Thực trạng này đặt vấn đề đối với các cấp quản lý, các cá nhân có liên quan, đặc biệt là đội ngũ giáo viên văn cần tăng cường hơn nữa việc xác định các nội dung giáo dục GTS cho học sinh thông qua các tiết dạy để xây dựng mục tiêu sao cho phù hợp, đem lại hiệu quả giáo dục cao.

2.3.1.2. Thực trạng việc xây dựng kế hoạch GD GTS cho học sinh thông qua môn Ngữ văn lớp 9.

Xây dựng kế hoạch là khâu đầu tiên và rất cần thiết trong quá trình quản lý hoạt động GD GTS cho HS. Để tìm hiểu thực trạng việc xây dựng kế hoạch hoạt động GD GTS, tác giả đã tiến hành khảo sát bằng phiếu đối với 70 cán bộ quản lý và giáo viên: “Đồng chí cho biết các loại kế hoạch GD GTS cho học sinh ở trường đ/c đang công tác được xây dựng như thế nào?”. Kết quả khảo sát được thể hiện ở bảng 2.6:

Bảng 2.6. Bảng thống kê thực trạng xây dựng kế hoạch GD GTS

STT	Các loại kế hoạch	Tốt	Bình thường
1	Kế hoạch GD GTS cho cả năm	58	12
2	Kế hoạch GD GTS cho từng học kỳ	56	14
3	Kế hoạch GD GTS cho từng tháng	21	49
4	Kế hoạch GD GTS cho từng tuần	8	62
5	Kế hoạch GD GTS cho từng tổ, nhóm chuyên môn.	61	09
6	Kế hoạch GD GTS cho từng môn học (trong đó có môn Ngữ văn)	32	38
7	Kế hoạch GD GTS trong các hoạt động GD NNGLL.	43	27

Phân tích kết quả khảo sát trong bảng trên ta thấy các trường trong địa bàn huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã chủ động xây dựng kế hoạch GD GTS cho HS trong cả năm học, cho từng học kỳ nhưng chưa được cụ thể trong từng tháng, từng tuần. Và kế hoạch này cũng được triển khai xây dựng tốt ở các tổ,

nhóm chuyên môn còn đối với từng môn học trong đó có môn Ngữ văn còn ở mức thấp. Thực trạng này đặt ra vấn đề với các cấp quản lý là phải cụ thể hóa hơn nữa trong công tác xây dựng kế hoạch để đạt hiệu quả GD GTS cao hơn, đặc biệt là lồng ghép trong nội dung giảng dạy môn Ngữ văn.

2.3.1.3. Hiệu trưởng quản lý công tác giáo dục giá trị sống thông qua công tác bồi dưỡng đội ngũ giáo viên và quản lý tốt các hoạt động trường, lớp:

Qua điều tra thực tế, tôi nhận thấy việc tổ chức hoạt động GD GTS cho HS ở các trường THCS được thực hiện như sau:

Hiệu trưởng chỉ đạo đội ngũ nòng cốt trong nhà trường xây dựng kế hoạch GD GTS trong từng tháng, từng học kỳ; thông qua hội đồng sư phạm để tiếp tục lắng nghe ý kiến đóng góp của các thành viên.

Hiệu trưởng phân công, sắp xếp nhân lực cho hoạt động GD GTS phù hợp với các con đường GD cơ bản. Tuy nhiên việc phân công, bố trí, sắp xếp nhân lực này ở các trường gặp khá nhiều khó khăn bởi giáo viên là những người không được đào tạo một cách bài bản về GD GTS. Những kiến thức và kinh nghiệm GD GTS thường chỉ được hình thành qua thực tiễn công tác của bản thân mỗi giáo viên vì vậy chưa tạo ra được sự thống nhất và chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho các hoạt động GD GTS gặp nhiều khó khăn. Kinh phí của nhà trường dựa vào nguồn thu do học phí, nguồn thu do khai thác quỹ xã hội, nguồn thu do khai thác ngân sách nhà dựng trường lớp, chi cho hiện đại hóa trang thiết bị dạy học... nên việc chi cho công tác GD GTS rất khiêm tốn.

2.3.1.4. Thực trạng chỉ đạo hoạt động GD GTS

Để tìm hiểu thực trạng chỉ đạo hoạt động GD GTS cho học sinh THCS tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, tác giả đã điều tra khảo sát 35 cán bộ, giáo viên trong đó có 06 CBQL, 03 giáo viên tổng phụ trách, 12 GVCN và 14 GV dạy các bộ môn khác. Kết quả khảo sát như sau:

Bảng 2.7. Thực trạng chỉ đạo công tác GD GTS cho HS

STT	Nội dung khảo sát	Mức độ thực hiện		
		Tốt	Bình thường	Xếp thứ
1	Chỉ đạo GD GTS thông qua hoạt động giảng dạy bộ môn trên lớp (Trong đó có môn Ngữ văn)	28	07	01
2	Chỉ đạo GD GTS thông qua hoạt động NGLL.	24	11	03
3	Chỉ đạo GD GTS thông qua môi trường GD chung của nhà trường.	25	10	02
4	Chỉ đạo việc phối hợp các lực lượng GD GTS	19	16	04

Qua kết quả khảo sát ở bảng 2.7 cho thấy: các đối tượng được khảo sát đều cho rằng chỉ đạo thực hiện kế hoạch GD GTS thông qua hoạt động giảng dạy trên lớp là quan trọng và thường xuyên nhất (vì các nội dung GD GTS được lồng ghép trong nội dung dạy học các bộ môn, đặc biệt rõ nét ở bộ môn: Ngữ văn). Chỉ đạo GD GTS thông qua môi trường GD chung của nhà trường được xếp ở vị trí thứ 2. Vị trí thứ 3 là Chỉ đạo GD GTS thông qua hoạt động NGLL. Còn thực trạng Chỉ đạo việc phối hợp các lực lượng GD GTS xếp ở vị trí cuối cùng. Các đối tượng tham gia khảo sát đều cho rằng việc phối hợp hầu như mới chỉ được thực hiện giữa các tổ chức trong nhà trường còn với các lực lượng giáo dục khác chưa thực sự có hiệu quả.

2.3.1.5. Hiệu trưởng quản lý công tác giáo dục giá trị sống thông qua công tác chỉ đạo xây dựng nội dung kiểm tra đánh giá môn Ngữ văn.

Kiểm tra, đánh giá là một khâu quan trọng trong quản lý hoạt động GD GTS cho học sinh. Để làm rõ thực trạng công tác kiểm tra, đánh giá hoạt động GD GTS cho học sinh ở các trường THCS huyện Đoan Hùng, Phú Thọ, tác giả đã tiến hành khảo sát qua 8 CBQL, 12 GVCN và 22 giáo viên dạy bộ môn, kết quả thể hiện trên bảng 2.8:

Bảng 2.8. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động GD GTS cho học sinh

STT	Nội dung khảo sát	Mức độ thực hiện	
		Thường xuyên	Không thường xuyên
1	Kiểm tra, đánh giá hàng tuần	12	30
2	Kiểm tra, đánh giá hàng tháng	19	23
3	Kiểm tra, đánh giá từng học kỳ	42	0
4	Kiểm tra, đánh giá cả năm	42	0

Kết quả khảo sát cho thấy, việc kiểm tra, đánh giá hoạt động GD GTS cho học sinh THCS thông qua môn Ngữ văn lớp 9 ở huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ chủ yếu là theo từng học kỳ và cả năm học. Trong khi đó, việc kiểm tra, đánh giá hoạt động này theo từng tuần, từng tháng chưa được tiến hành thường xuyên. Do đó, phần nào ảnh hưởng đến chất lượng công tác GD GTS cho học sinh. Chính vì vậy, BGH các nhà trường cần có kế hoạch đánh giá hoạt động GD GTS học sinh thường xuyên hơn để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động này.

2.3.2. Nguyên nhân thực trạng

Thế giới đang bước vào thiên niên kỷ mới, với những đặc trưng tiên bộ của của cách mạng khoa học công nghệ, của nền văn minh hậu công nghiệp với nền kinh tế tri thức, đang đặt ra những yêu cầu cho giáo dục những thời cơ mới và thách thức mới, trong đó phải đào tạo ra được một đội ngũ những người lao động có tay nghề cao, có kiến thức, kỹ năng và thái độ hành vi tương xứng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và vì một thế giới phát triển bền vững.

Giáo dục giá trị sống, quản lý giáo dục giá trị sống cho học sinh ở bậc học THCS nhằm hình thành và phát triển nhân cách cho các em, giúp các em thấy được những giá trị tốt đẹp của con người với những chuẩn mực của cuộc sống

đương đại để các em lĩnh hội thành của chính mình và để rồi các em được thể hiện ra bằng chính hành vi tương ứng của mình để hướng tới một cuộc sống tốt đẹp, một xã hội văn minh, đáp ứng mục tiêu giáo dục THCS trong giai đoạn hiện nay.

Trong những năm qua, việc quản lý hoạt động GD GTS cho học sinh ở huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ có được sự quan tâm và thực hiện tương đối đồng bộ.

Các biện pháp quản lý hoạt động GD GTS cho học sinh được áp dụng về cơ bản là phù hợp lí luận về quản lý, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng trường trong huyện và đã đem lại một số hiệu quả nhất định.

Nhận thức về vai trò của hoạt động GD GTS cho học sinh cũng đã được nâng lên tạo nên sự chủ động trong hoạt động GD GTS cho học sinh của cán bộ, giáo viên và phụ huynh học sinh.

Đó là những mặt tích cực trong công tác quản lý hoạt động GD GTS cho học sinh ở các trường THCS trên địa bàn huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ. Bên cạnh những mặt tích cực đó, qua việc khảo sát thực trạng tôi nhận thấy còn hạn chế cơ bản. Đó là đa phần học sinh nhận thức được về GTS và ý nghĩa của GTS trong cuộc sống nhưng còn hời hợt, chưa sâu sắc vì thế chưa thể tạo nên nền tảng để hình thành những kỹ năng sống cần thiết. Nguy hiểm hơn, một bộ phận học sinh chưa nhận thức đúng đắn, đầy đủ sự cần thiết của giá trị sống đối với bản thân và có những biểu hiện hành vi lệch chuẩn.

Để tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trên, tôi đã tiến hành khảo sát 150 người, trong đó có 8 CBQL, 10 GVCN, 14 GV bộ môn, 22 PHHS và 96 học sinh. Kết quả được thể hiện như sau:

**Bảng 2.9. Những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng công tác
GD GTS cho học sinh**

STT	Các nguyên nhân	Số ý kiến	Tỉ lệ (%)	Xếp bậc
1	Công tác quản lý hoạt động GD GTS chưa tốt, chưa có biện pháp GD phù hợp.	88	58,7	5
2	Nội dung GD GTS chưa phù hợp, chưa thiết thực.	32	21,3	9
3	Một bộ phận các thầy cô giáo chưa quan tâm đúng mức tới công tác GD GTS	58	38,7	8
4	Phụ huynh HS chưa hiểu và đánh giá đúng vai trò của GD GTS.	86	57	6
5	Phụ huynh chưa quan tâm và chưa phối hợp hiệu quả với nhà trường trong công tác GD GTS.	92	61,3	4
6	Người lớn chưa gương mẫu trong hành vi và lối sống, ảnh hưởng đến nhận thức của HS về những GTS cơ bản.	116	77,3	2
7	Do những biến đổi tâm sinh lý phức tạp của HS cấp THCS.	112	74,7	3
8	Do những tác động tiêu cực của nền KTTT.	121	80,7	1
9	Chưa có sự phối hợp giữa các lực lượng giáo dục.	79	52,7	7

Kết quả của bảng 2.9 cho thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiệu quả hoạt động GD GTS chưa cao, học sinh có hiện tượng lệch chuẩn trong hành vi, lối sống vì chưa hiểu đúng và chưa đánh giá được vai trò của các GTS. Nhìn chung có thể chia làm năm loại nguyên nhân chủ yếu:

- (1). Nguyên nhân từ phía gia đình;
- (2). Nguyên nhân từ phía nhà trường;
- (3). Nguyên nhân từ phía xã hội;
- (4). Nguyên nhân chủ quan từ phía học sinh;
- (5). Nguyên nhân từ việc quản lý, phối hợp các lực lượng giáo dục.

Trong đó, các đối tượng tham gia khảo sát đang quan tâm đặc biệt đến 3 nguyên nhân cơ bản. Một là: Do những tác động tiêu cực của nền KTTT (80,7%). Trong xu thế toàn cầu hóa, nền kinh tế nước ta đang từng bước chuyển mình. Cơ chế thị trường len lỏi vào từng lĩnh vực của đời sống xã hội làm cho nhiều giá trị truyền thống ngày càng bị xói mòn. Cùng với những thành quả đạt được của nền kinh tế, chúng ta không thể không nói đến mặt trái của cơ chế thị trường đã làm xuất hiện nhiều tệ nạn xã hội, nhiều biểu hiện thái độ tiêu cực trong hành vi, lối sống của một bộ phận không nhỏ học sinh của chúng ta, khiến các em có những cái nhìn lệch lạc về những chuẩn mực giá trị.

Nguyên nhân thứ 2 là: Người lớn chưa gương mẫu trong hành vi và lối sống, ảnh hưởng đến nhận thức của HS về những GTS cơ bản (77,3%). Đây là nguyên nhân có sự kết hợp giữa hai yếu tố xã hội và gia đình. Phương pháp giáo dục nêu gương có ảnh hưởng rất lớn đến người học. Trong thực tế cuộc sống, cha mẹ chưa chuẩn mực trong các mối quan hệ, trong nhận thức, hành vi và lối sống có tác động rất mạnh mẽ đối với con cái bởi gia đình chính là cái nôi của sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ thơ. Bên cạnh đó, khi tham gia các mối quan hệ xã hội, các em học sinh cũng chịu sự tác động lớn từ môi trường sống xung quanh mình. Những quan điểm, hành vi lối sống của mọi người đặc biệt là của những người lớn tuổi đã tác động đến nhận thức của các em. Chính vì vậy, đây được coi là nguyên nhân lớn thứ 2 trong việc kết quả hoạt động GD GTS chưa đạt hiệu quả cao.

Nguyên nhân đứng ở vị trí thứ 3 là: Do những biến đổi tâm sinh lý phức tạp của HS cấp THCS (74,7%). Ở lứa tuổi này, các em học sinh có sự phát dục, cơ thể phát triển nhanh chóng làm thay đổi nhận thức, thái độ của các em về bản thân. Giai đoạn này, tình cảm của các em chưa bền vững, không ổn định, khả năng làm chủ bản thân và sức đề kháng kém, bản lĩnh còn yếu trước những tác động xấu từ môi trường bên ngoài... cho nên dễ phát sinh mặc cảm, sự

bồng bột, cả tin... Điều này tạo cơ hội cho những hiện tượng tiêu cực trong xã hội thâm nhập vào đời sống tinh thần của các em.

Nguyên nhân đứng ở vị trí thứ 4 là: Phụ huynh chưa quan tâm và chưa phối hợp hiệu quả với nhà trường trong công tác GD GTS. Những người được khảo sát đều cho rằng phần lớn PHHS mới chỉ quan tâm nhắc nhở và giáo dục con em mình học tập, lĩnh hội những kiến thức khoa học đặc biệt là các môn học liên quan đến việc thi vào cấp 3 chứ họ chưa thực sự quan tâm và chưa phối hợp hiệu quả với nhà trường trong việc GD GTS cho con em mình.

Trong các nguyên nhân từ phía nhà trường, nguyên nhân do Công tác quản lý hoạt động GD GTS chưa tốt, chưa có biện pháp GD phù hợp chiếm tỉ lệ 58,7%; nguyên nhân do Một bộ phận các thầy cô giáo chưa quan tâm đúng mức tới công tác GD GTS có tỉ lệ 38,7%; Nội dung GD GTS chưa phù hợp, chưa thiết thực có tỉ lệ 21,3%. Để tìm hiểu sâu hơn về những nguyên nhân từ phía nhà trường, tôi tiếp tục khảo sát sâu hơn ở một số phương diện trên 100 người, trong đó có 6 CBQL, 22 giáo viên và 72 học sinh. Kết quả khảo sát được thể hiện trên bảng 2.10:

Bảng 2.10. Những nguyên nhân từ phía nhà trường

Nguyên nhân	Tỉ lệ	Mức độ đánh giá				
		Không quan trọng	Ít quan trọng	Bình thường	Quan trọng	Rất quan trọng
Chưa có bộ chuẩn kiến thức	Tổng	73	33	60	77	57
	%	24.3	11.0	20.0	25.7	19.0
Các thầy cô chưa quan tâm GD GTS	Tổng	78	43	69	38	72
	%	26.0	14.3	23.0	12.7	24.9
Chưa có biện pháp quản lý GD GTS hợp lí	Tổng	22	48	67	73	90
	%	7.3	16.0	22.3	24.3	30.0
Thầy cô chưa được đào tạo bài bản về GD GTS.	Tổng	63	66	61	62	48
	%	21.0	22.0	20.3	20.7	16.0

Qua tất cả những khảo sát trên ta có thể đánh giá tổng quát về công tác quản lý GD GTS tại các trường THCS trên địa bàn huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ cơ bản như sau:

BGH các nhà trường chưa thực sự quan tâm đúng mức đến công tác quản lý hoạt động GD GTS; chưa xây dựng chuyên đề cụ thể đối với từng bộ môn học và từng tháng, từng tuần; những nội dung GD GTS chưa được khai thác triệt để, còn mang tính bề nổi, thiếu chiều sâu; hình thức GD GTS chưa phong phú nên thiếu sức hấp dẫn.

Việc kiểm tra, đánh giá hoạt động GD GTS của các tổ chức, cá nhân trong nhà trường chưa thường xuyên, chưa gắn chặt hoạt động này với công tác khen thưởng, kỷ luật cán bộ, giáo viên và học sinh. Tất cả mới chỉ dừng lại ở hình thức lồng ghép trong các môn văn hóa và một vài hoạt động ngoại khóa.

Quy trình quản lý công tác GD GTS chưa rõ ràng, chưa xây dựng được cơ chế phối hợp đồng bộ giữa GVCN, GV dạy bộ môn và các tổ chức khác trong nhà trường. Việc phối hợp với các lực lượng GD bên ngoài nhà trường còn thiếu chủ động, chưa tập trung vào các mục tiêu GD GTS.

GV chưa được đào tạo bài bản phương pháp GD GTS, chủ yếu thực hành bằng kinh nghiệm cá nhân. Bên cạnh đó, một bộ phận GV còn chưa thực sự quan tâm đến việc GD GTS mà chỉ tập trung vào truyền thụ kiến thức khoa học bộ môn. Điều này thực tế xảy ra phổ biến ở các GV dạy môn khoa học tự nhiên.

Tiểu kết chương 2

Quá trình khảo sát và phân tích thực trạng hoạt động giáo dục giá trị sống và quản lý hoạt động GD GTS ở các trường THCS huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã cho thấy: công tác quản lý hoạt động GD GTS đã được các cấp, các ban ngành, các nhà trường quan tâm và đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên tính hiệu quả của hoạt động này chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của xã hội, chưa tương ứng với ý nghĩa, giá trị của nó trong công tác giáo dục. Trên thực tế điều tra, còn nhiều học sinh, phụ huynh học sinh chưa nhận thức, đánh giá đúng vai trò của GD GTS; nhiều học sinh chưa có kỹ năng sống cần thiết do chưa có gốc nền tảng giá trị sống. Bên cạnh đó, một bộ phận học sinh có biểu hiện về hành vi, lối sống lệch chuẩn.

Có rất nhiều nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan dẫn đến hiện tượng này trong đó chúng ta không thể không kể đến nguyên nhân từ góc độ quản lý. Để khắc phục tình trạng này, CBQL phải tìm tòi, nghiên cứu tìm ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng GD GTS cho học sinh. Đó cũng là nội dung tác giả của luận văn trình bày ở chương 3.

Chương 3

CÁC BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO HỌC SINH QUA MÔN NGỮ VĂN 9 Ở CÁC TRƯỜNG THCS HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

3.1. Những nguyên tắc đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS huyện Đoan Hùng

Các biện pháp giáo dục GTS cho học sinh THCS được đề xuất dựa trên một số nguyên tắc chính sau:

3.1.1. Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa

Trong một chừng mực nhất định, việc đề xuất các biện pháp giáo dục GTS cho học sinh THCS được xem như một sự thay đổi trong tổ chức hoạt động giáo dục ở trường THCS theo hướng phát triển tích cực.

Nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa trong đề xuất các biện pháp giáo dục GTS cho học sinh THCS đòi hỏi:

Tôn trọng nội dung chương trình hoạt động giáo dục đã được quy định để thực hiện tích hợp nội dung giáo dục GTS.

Hệ thống hóa các kinh nghiệm tổ chức hoạt động giáo dục và kinh nghiệm giáo dục GTS nói chung, giáo dục GTS cho học sinh THCS nói riêng để khái quát thành lí luận nhằm vận dụng vào thực tiễn tổ chức giáo dục GTS.

Kế thừa các kết quả nghiên cứu về hoạt động giáo dục và giáo dục GTS, đặc biệt là các nghiên cứu về biện pháp giáo dục GTS, các nghiên cứu về giáo dục GTS qua lồng ghép các môn học. Những kết quả nghiên cứu này cung cấp các luận cứ khoa học cho việc đề xuất các biện pháp giáo dục GTS cho học sinh THCS.

3.1.2. Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống

Giáo dục nói chung, giáo dục GTS tồn tại và phát triển với tư cách là một hệ thống. Vì vậy, giáo dục GTS cho học sinh THCS là một hệ thống cả về phương diện lí thuyết và thực tiễn.

Nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống của việc đề xuất các biện pháp giáo dục GTS cho học sinh THCS đòi hỏi:

Xác định rõ các yếu tố cấu trúc của hoạt động giáo dục và các yếu tố cấu trúc của giáo dục GTS cho học sinh THCS.

Mô tả cụ thể các yếu tố cấu trúc của hệ thống mới được thiết lập từ sự tích hợp các yếu tố cấu trúc của giáo dục GTS cho học sinh THCS với các yếu tố cấu trúc của hoạt động giáo dục.

Việc GD GTS cho học sinh không chỉ là nhiệm vụ của các tổ chức trong nhà trường mà còn phải có sự phối hợp với các lực lượng giáo dục ở ngoài nhà trường. Các biện pháp nêu ra phải đảm bảo sự thống nhất, xuyên suốt giữa các mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục, có sự phân công rõ ràng, tạo được ý thức tự giác, sự phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận và cá nhân tham gia công tác GD GTS, tạo điều kiện cho công tác quản lý tiến hành thống nhất và đồng bộ nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

3.1.3. Nguyên tắc đảm bảo tính khả thi

Biện pháp được xác định là biện pháp có tính khả thi khi nó thỏa mãn được các yếu tố ràng buộc nó.

Có rất nhiều yếu tố chi phối, ràng buộc đối với việc thực thi một biện pháp như: pháp luật, quyền hạn, đạo đức, văn hóa, thời gian, con người, tài chính,... Dễ dàng nhận thấy, nếu một biện pháp nào đó được đề xuất vượt quá quyền hạn của người thực thi biện pháp đó hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật sẽ là những biện pháp không khả thi. Trường hợp còn lại, mức độ khả thi của các biện pháp cao hay thấp phụ thuộc vào mức độ thương thuyết của chủ thể đối với các yếu tố còn lại như thế nào trong quá trình thực thi biện pháp.

Để các biện pháp giáo dục GTS cho học sinh THCS có tính khả thi và khả thi cao đòi hỏi:

Các biện pháp được đề xuất phải phù hợp với các quy định về chức năng nhiệm vụ của trường THCS, thẩm quyền của nhà giáo trong thực hiện nhiệm vụ dạy học và giáo dục.

- Khi đề xuất các biện pháp phải chú ý đến các điều kiện để thực hiện biện pháp. Trong đó cần xác định rõ những yếu tố ảnh hưởng đến tính khả thi đối với các biện pháp như thế nào. Cụ thể, phải xác định được:

- + Nhân lực để thực hiện biện pháp.
- + Thời gian và không gian thực hiện biện pháp.
- + Các hoạt động cơ bản phải triển khai.
- + Các nguồn lực vật chất, tài chính cần khai thác, huy động để thực hiện các hoạt động.
- + Các rào cản của phong tục, tập quán,...

3.1.4. Nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả

Các chủ thể tham gia công tác GD GTS cho học sinh là cán bộ quản lý, GVCN, GV bộ môn, nhân viên nhà trường, Đoàn thanh niên, PHHS và các cơ quan đoàn thể địa phương... Mỗi chủ thể giáo dục có vai trò tích cực khác nhau trong quá trình GD.

Vì vậy hệ thống các biện pháp phải phát huy được tính tích cực, chủ động, tự giác của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường, nhằm mục đích nâng cao chất lượng GD GTS cho HS, qua đó, góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện cho học sinh THCS.

3.2. Các biện pháp nâng cao hiệu lực quản lý hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh THCS huyện Đoan Hùng

3.2.1. Nâng cao nhận thức về công tác giáo dục giá trị sống cho đội ngũ giáo viên nói chung và đội ngũ giáo viên môn Ngữ văn nói riêng, học sinh và các lực lượng tham gia giáo dục GTS

3.2.1.1. Mục tiêu của biện pháp

Năng lực nhận thức về GD GTS và quản lý GD GTS cho HS có vai trò quan trọng, là sự khởi đầu cho những hoạt động đạt hiệu quả cao trong công tác này. Thời gian qua, nhận thức của đội ngũ cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh ở các trường THCS trong địa bàn huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã có

bước chuyển biến đáng kể nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu. Do đó cần phải nâng cao hơn nữa về năng lực nhận thức, ý thức trách nhiệm, nhiệt huyết của đội ngũ CBQL và GV, đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức, cũng như trong hành động GD, đồng tâm hiệp lực, tạo sức mạnh thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách và rèn các kỹ năng sống cho học sinh. Đối với PHHS, việc nâng cao nhận thức về GD GTS cũng là điều hết sức cần thiết. Nếu họ nhận thức đúng đắn về công tác này sẽ tạo điều kiện cho con em mình về thời gian, vật chất, tinh thần... và hơn thế nữa là sự kết hợp, đồng tâm, thống nhất với những phương pháp, nội dung của nhà trường, GVCN để GD GTS cho HS.

3.2.1.2. Nội dung và cách thức thực hiện.

- Đối với CBQL, GV: cần triển khai các văn bản của cấp trên một cách đầy đủ, kịp thời, cụ thể sao cho trong toàn thể CBQL, GV được quán triệt một cách sâu sắc, khắc phục tình trạng triển khai qua loa, chiếu lệ.

+ Tổ chức hội thảo chuyên đề về GD GTS và quản lý GD GTS cho HS theo định kỳ, ít nhất 2 lần/năm học. Muốn tổ chức hội thảo tốt, hiệu trưởng phải lập kế hoạch một cách chu đáo, phân công nhân sự nghiên cứu để viết tham luận, phải có hệ thống câu hỏi mở để cùng thảo luận, bàn bạc... Nên mời các lực lượng GD ngoài nhà trường cùng hội thảo. Nội dung chuyên đề hội thảo phải có tính thiết thực, giải quyết được những vấn đề yếu kém, bức xúc và đề ra được biện pháp thích hợp, có tính hiệu quả cao.

+ Mở các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng, phương pháp GD GTS.

+ Tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm ở những đơn vị trong và ngoài địa bàn huyện đã có thành tích tốt trong công tác GD GTS, KNS cho HS. Lưu ý, phải có quan điểm cụ thể trong vấn đề vận dụng sao cho phù hợp với thực tiễn ở đơn vị mình, tránh vận dụng một cách máy móc.

- Đối với PHHS: Xã hội đang ngày càng phát triển, Việt Nam đang trên đường hội nhập, nền KTTT có nhiều mặt tích cực nhưng cũng không ít những hạn chế đang len lỏi vào tất cả các lĩnh vực của cuộc sống. Chính vì vậy, PHHS

cũng rất quan tâm tới việc GD đạo đức, lối sống, GD KNS cho con em mình. Nhưng bên cạnh đó cũng có một bộ phận không nhỏ PHHS coi đó là nhiệm vụ, là trách nhiệm của nhà trường. Điều này gây nên khó khăn không nhỏ trong công tác phối hợp GD toàn diện cho các em HS. Bởi vậy, trước tiên là phải nâng cao nhận thức đối với PHHS. Trong công tác này, GVCN đóng một vai trò vô cùng quan trọng, họ phải khéo léo lồng ghép các hoạt động vào các cuộc họp định kỳ, biết lắng nghe, biết chia sẻ những suy tư của từng PHHS, khéo kết hợp với Ban đại diện PHHS lớp chủ nhiệm để họ cùng tham gia vào các cuộc hội thảo, hướng dẫn họ thành những người chủ đạo trong công tác này.

3.2.1.3. Điều kiện để thực hiện biện pháp

Phải có sự quan tâm, ủng hộ của BGH các nhà trường, đứng đầu là hiệu trưởng. Sự ủng hộ của Đảng, chính quyền, đoàn thể và toàn thể cán bộ GV.

Có kinh phí và CSVC tốt phục vụ cho các hoạt động GD GTS.

Tổ chức bộ máy đảm bảo tính đồng bộ, ổn định, tập trung.

3.2.2. Chỉ đạo Tổ chuyên môn, giáo viên đổi mới xây dựng kế hoạch lồng ghép nội dung giáo dục giá trị sống cho học sinh thông qua chương trình môn Ngữ văn 9

3.2.2.1. Mục tiêu của biện pháp

Việc xây dựng kế hoạch hoạt động GD GTS cho học sinh có vai trò rất quan trọng, nó giúp người hiệu trưởng, các Tổ trưởng Tổ chuyên môn, giáo viên chủ động định hướng trước các nội dung, biện pháp, thời gian, cơ chế phối hợp để thực hiện có hiệu quả hoạt động GD GTS trong suốt năm học.

3.2.2.2. Nội dung và cách thực hiện

Hiệu trưởng cần đề ra mục tiêu dạy học về chương trình Giá trị sống để học sinh phát huy các giá trị trong chính mình, giúp các em ra quyết định tốt nhất vượt qua những tình huống khó khăn. Hiệu trưởng cần tiến hành xây dựng kế hoạch: chiến lược, năm học, tháng, tuần và kế hoạch từng hoạt động cụ thể về giáo dục giá trị sống cho học sinh.

3.2.2.3. Điều kiện để thực hiện biện pháp

Để đạt được mục tiêu đã đề ra các tổ chức, bộ phận, cá nhân phải nắm chắc tình hình đặc điểm của mình từ đó xây dựng kế hoạch hoạt động có tính khả thi. Đảm bảo sự phân công hợp lý, tránh hiện tượng chồng chéo.

3.2.3. Đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục giá trị sống

3.2.3.1. Mục tiêu của biện pháp

Giúp cho các thành viên nắm bắt được nhiệm vụ, quyền hạn của mình, từ đó thực hiện tốt công tác GD GTS cho học sinh trong nhà trường.

3.2.3.2. Nội dung và cách thực hiện

Triển khai kế hoạch công tác GD GTS cho HS trước Hội đồng sư phạm nhà trường.

Tổ chức tập huấn cho các thành viên về công tác GD GTS cho HS.

Ban giám hiệu: lập kế hoạch và phụ trách chung.

GVCN lên kế hoạch chủ nhiệm và kế hoạch GD GTS cho HS trong công tác chủ nhiệm.

Tổng phụ trách lên kế hoạch GD GTS trong kế hoạch hoạt động Đoàn Đội và tổ chức thực hiện.

Các GV bộ môn thực hiện tốt việc giảng dạy kiến thức khoa học và GD GTS theo đúng đặc trưng bộ môn mình phụ trách.

Ban PHHS thường xuyên phối kết hợp với nhà trường trong công tác GD GTS cho HS.

Chuẩn bị nguồn kinh phí, CSVC, phương tiện cho các hoạt động GD GTS cho HS.

Để tổ chức thành công Kế hoạch quản lý hoạt động giá trị sống cho học sinh, điều quan trọng là Hiệu trưởng hiểu được những yêu cầu của kế hoạch ngay từ khi mới bắt đầu xây dựng kế hoạch đó. Hiệu trưởng cần làm quen với những trách nhiệm, nhiệm vụ chính và những kỹ năng cần thiết để chuẩn bị kỹ

lượng hơn trong việc chỉ đạo điều hành thành công các hoạt động theo kế hoạch. Hiệu trưởng cần tự xác định vai trò và tự đánh giá bản thân trong nhiệm vụ lãnh đạo, quản lý hoạt động giá trị sống cho học sinh để tiên lượng kết quả và điều chỉnh lộ trình thực thi kế hoạch.

Hiệu trưởng cần quyết định lựa chọn giáo viên phù hợp, thành lập Ban chỉ đạo, Tổ Tư vấn tâm lý, Tổ Truyền thông của nhà trường để tạo môi trường cho giáo viên, học sinh thường xuyên được tâm sự, chia sẻ những khó khăn, bức xúc trong việc giáo dục học sinh, trong cuộc sống gia đình, nhà trường và xã hội, những yếu tố ảnh hưởng đến học tập, tu dưỡng của học sinh. Ban chỉ đạo cần có đủ đại diện các thành phần đoàn thể trong nhà trường như: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, đại diện Ban chấp hành Công đoàn, giáo viên cố vấn Đoàn thanh niên, giáo viên Tổng phụ trách Đội, đại diện giáo viên chủ nhiệm từng khối lớp, chuyên gia tâm lý...

Hiệu trưởng cũng cần thường xuyên củng cố và phát triển mối quan hệ hợp tác, phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường: Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, giáo viên Tổng phụ trách Đội, Bí thư Đoàn thanh niên, Công đoàn, Ban đại diện cha mẹ học sinh, các ban ngành đoàn thể ở địa phương,... trong mọi hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh, cần thường xuyên thúc đẩy họ đạt mục tiêu, giúp đỡ họ phát triển trong cả hai vai trò: cá nhân và thành viên của nhóm.

3.2.3.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Có đủ nhân lực thực hiện công tác GD GTS cho HS.

Có đủ kinh phí hoạt động.

Có môi trường Sư phạm giáo dục giá trị sống tốt cho học sinh: trong trường, xung quanh trường, nơi tham quan, dã ngoại, giao lưu,... Theo đó, tại trường học, mỗi giờ học, mỗi hoạt động của thầy cô giáo đều là tấm gương đạo đức và sáng tạo cho học sinh noi theo.

3.2.4. Đổi mới chỉ đạo hoạt động giáo dục giá trị sống

3.2.4.1. Mục tiêu của biện pháp

Giúp hoạt động GD GTS cho HS trong các nhà trường được triển khai đúng theo kế hoạch đã đặt ra nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong công tác này.

3.2.4.2. Nội dung và cách thực hiện

Chỉ đạo GD GTS thông qua hoạt động giảng dạy bộ môn: Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện đúng nội dung chương trình GD nói chung và lồng ghép GD GTS trong từng bộ môn. Chỉ đạo cải tiến, đổi mới các hình thức sinh hoạt chuyên môn theo từng tháng, từng tuần. Trong khi Bộ Giáo dục và Đào tạo chưa có chương trình, sách giáo khoa cho môn giá trị sống, kỹ năng sống, mỗi nhà trường cần chủ động khai thác triệt để các nội dung giáo dục giá trị sống thông qua các môn Giáo dục công dân, Địa lí, Sinh học, Văn học; chủ động xây dựng chương trình, tài liệu giáo dục giá trị sống thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với học sinh của trường (độ tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế, phong tục tập quán của địa phương,...).

Chỉ đạo GD GTS thông qua hoạt động GD NGLL: Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng kế hoạch công tác GD NGLL lồng ghép GD GTS phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế tại nhà trường.

Chỉ đạo GD GTS thông qua nội dung GD theo chủ điểm tháng. Hiệu trưởng căn cứ vào chủ điểm từng tháng chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, Đoàn Đội thực hiện kế hoạch GD GTS cho HS.

Chỉ đạo việc phối hợp các lực lượng GD: Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng trong nhà trường thường xuyên phối hợp với các lực lượng xã hội để xây dựng và phối hợp tốt 3 môi trường: nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác GD GTS cho HS.

Chỉ đạo GD đánh giá, xếp loại HS: Hiệu trưởng chỉ đạo GV đánh giá xếp loại các môn học có tích hợp GD GTS theo đúng các văn bản hướng dẫn.

Khi đã có một Ban chỉ đạo, nhóm giáo viên nòng cốt, các tổ chuyên trách,... điều quan trọng tiếp theo là Hiệu trưởng cần khởi động thực hiện Kế hoạch một cách tích cực, khuyến khích tinh thần đồng đội bằng cách tạo môi trường thân thiện, thoải mái cho mọi người chia sẻ thông tin của kế hoạch như: mục tiêu, cách tiện hành, các nguồn lực, nguồn tài liệu, cơ hội và nguy cơ,... đồng thời thường xuyên điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với điều kiện sống và học tập luôn biến động của các em.

Để chỉ đạo việc thực hiện hoạt động giáo dục giá trị sống hiệu quả theo kế hoạch năm học, Hiệu trưởng cần xây dựng kế hoạch công việc cụ thể, chi tiết. Hiện nay, người ta thường áp dụng kỹ năng xác định nội dung công việc cụ thể như sau:

+ Xác định mục tiêu, nội dung công việc Khi phải làm bất cứ một công việc nào, cần trả lời câu hỏi Làm gì? Để làm gì để xác định nội dung công việc cần làm và mục tiêu cần đạt được. Xác định rõ mục tiêu và yêu cầu của công việc sẽ giúp Hiệu trưởng luôn hướng trọng tâm các công việc vào mục tiêu và đánh giá hiệu quả cuối cùng.

Hiệu trưởng cần chỉ ra các bước cụ thể để giáo viên thực hiện công việc được giao và cần đảm bảo rằng các bước công việc được tiến hành theo trật tự hợp lí.

+ Xác định lí do, cơ sở lựa chọn công việc cần làm (Why?) *Why?* (*Vì sao?*) có thể bao gồm các câu hỏi sau

- Vì sao phải làm công việc này?

Công việc này có ý nghĩa như thế nào?

- Nếu không ai thực hiện công việc này thì hậu quả là gì?

+ Xác định thời gian, địa điểm, người tiến hành công việc (3

W) *Where?* (*Ở đâu?*) có thể bao gồm các câu hỏi sau:

- Công việc đó được thực hiện tại đâu?
- Công việc đó được kiểm tra tại bộ phận nào?

- Cần kiểm tra, kiểm soát ở những công đoạn nào?

When? (Khi nào?) có thể bao gồm các câu hỏi sau:

- Công việc đó được thực hiện khi nào?
- Khi nào công việc đó kết thúc?

Để xác định được thời hạn phải làm công việc nào đó, người cán bộ quản lí cần xác định được mức độ khẩn cấp, quan trọng và mức độ khó của từng công việc. Thông thường người ta chia 4 loại công việc khác nhau:

- + Công việc vừa quan trọng vừa khẩn cấp;
- + Công việc không quan trọng nhưng khẩn cấp;
- + Công việc quan trọng nhưng không khẩn cấp;
- + Công việc vừa không quan trọng vừa không khẩn cấp.

Cần phải thực hiện công việc vừa khẩn cấp vừa quan trọng trước, sau đó xếp theo thứ tự từ khẩn cấp đến quan trọng làm sau.

Who? (Ai?) có thể bao gồm các câu hỏi sau:

- Ai làm việc đó?
- Ai kiểm tra việc đó?
- Ai hỗ trợ việc đó?
- Ai chịu trách nhiệm về việc đó?...

How? (Như thế nào?) có thể bao gồm các câu hỏi sau:

- Cách thức thực hiện từng công việc như thế nào?
- Tài liệu hướng dẫn thực hiện là tài liệu nào?
- Tiêu chuẩn cần đạt của công việc là gì?
- Nếu cần máy móc, phương tiện thực hiện nhiệm vụ thì cách thức vận

hành như thế nào

Man? (Nhân lực?), có thể bao gồm các câu hỏi sau:

- Những giáo viên, tổ chuyên môn nào sẽ thực hiện công việc? Họ có đủ trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng, phẩm chất, tính cách phù hợp không?

- Ai hỗ trợ?
- Ai kiểm tra?
- Nếu cần nguồn dự trữ thì có đủ nguồn lực con người (trong trường, ngoài trường) để hỗ trợ không?

3.2.4.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Người hiệu trưởng phải nắm rõ các kế hoạch đã đề ra từ đó chỉ đạo cán bộ, giáo viên thực hiện kế hoạch một cách nghiêm túc và hiệu quả.

- Mọi thành viên tham gia thực hiện công tác GD GTS theo sự chỉ đạo của hiệu trưởng phải thực sự tâm huyết, có ý thức học hỏi trau dồi năng lực giáo dục cho bản thân.

3.2.5. Đổi mới kiểm tra hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh thông qua môn Ngữ văn 9

3.2.5.1. Mục tiêu của biện pháp

Xây dựng tiêu chí, phương pháp đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh một cách hợp lý, khoa học nhằm đánh giá chính xác công bằng, từ đó giúp học sinh nhận thức đầy đủ về bản thân phát huy mặt tích cực, khắc phục những khuyết điểm để không ngừng tiến bộ. Động viên kích thích đội ngũ cán bộ, giáo viên và học sinh thực hiện có hiệu quả công tác giáo dục.

Hạn chế những ảnh hưởng xấu đến công tác giáo dục đào tạo của đội ngũ cán bộ giáo viên và kết quả học tập lĩnh hội các GTS chuẩn mực của học sinh, kích thích sự cố gắng, khắc phục khuyết điểm của đội ngũ cán bộ giáo viên và học sinh.

3.2.5.2. Nội dung và cách thực hiện

Việc kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục giá trị sống cho học sinh thông qua môn Ngữ văn 9 phải đổi mới theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh, khuyến khích vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế, làm bộc lộ những cảm xúc, thái độ của học sinh trước những vấn đề đặt ra trong cuộc sống phức tạp hiện nay.

Do yêu cầu đặc trưng của bộ môn, nên kiểm tra, đánh giá trong môn Ngữ văn cần hạn chế những câu hỏi mang tính hàn lâm, khoa học, cần chú trọng vào những kiến thức liên hệ thực tế, giáo dục, bồi dưỡng các giá trị sống cần thiết cho học sinh. Ví dụ, khi kiểm tra kiến thức trong bài tiếng Việt: “Nghĩa tường minh và hàm ý”, ngoài việc giúp học sinh hiểu khái niệm thế nào là nghĩa tường minh, hàm ý, giáo viên cần đặc biệt chú trọng cho học sinh biết cách sử dụng hai cách giao tiếp này trong cuộc sống để thể hiện thái độ tôn trọng, khiêm tốn... với những người xung quanh....

Đánh giá đúng kết quả học tập và rèn luyện của tập thể lớp và học sinh sẽ tạo động lực thúc đẩy sự tiến bộ của học sinh. Để đổi mới cách đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh cần phải thực hiện các nội dung:

Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá nhiệm vụ học tập GTS cụ thể đối với môn Ngữ văn 9 trong hàng tháng và học kỳ.

Xây dựng quy trình đánh giá theo đúng đặc trưng của bộ môn Ngữ văn 9.

Tiến hành đánh giá theo đúng qui định.

Tiêu chuẩn đánh giá học sinh phải kết hợp cả tiêu chuẩn định lượng và định tính. Tính định lượng thể hiện số lần đạt thành tích, số lần vi phạm. Tính định tính biểu hiện ở tư tưởng, nhận thức, thái độ, hành vi.

GV phải xây dựng tiêu chuẩn đánh giá tập thể tổ chức học sinh.

Kết quả rèn luyện đạo đức dựa trên sự lĩnh hội các giá trị chuẩn mực của cá nhân và tập thể thể hiện ở kết quả thi đua của một lớp. Vì vậy phải thực hiện đánh giá theo qui trình hợp lý.

Để đánh giá CBQL và GV trong nhà trường được toàn diện không thể thiếu ý kiến của HS. BGH mỗi năm tổ chức một lần lấy nhận xét đánh giá của các em đối với các nội dung trong GD GTS GV thông qua hình thức tổ chức hết sức nhẹ nhàng. Ví dụ kết hợp với các ngày kỷ niệm 26/3, học sinh có thể ghi những suy nghĩ của mình về sự hứng thú đối với các giờ học văn hoặc thể hiện trên những bức tranh (yêu cầu các cách thể hiện phải có văn hóa)... hoặc

viết những ưu, nhược điểm mà học sinh nhận thấy ở mỗi cách giảng bài khác nhau của thầy cô của mình. Một điều đáng lưu tâm là BGH, CBGV tiếp nhận những suy nghĩ của các em như thế nào? Chắt lọc những ý kiến để điều chỉnh bản thân phù hợp với các em và biết rõ những tâm tư nguyện vọng hoặc nhìn nhận sai lệch về những người thầy của các em để GV kịp thời uốn nắn.

Công tác khen thưởng, trách phạt được tiến hành trong các cuộc họp, hội nghị, sơ kết học kỳ, tổng kết năm học.

Các mức trách phạt đối với cán bộ giáo viên: phê bình, không công nhận các danh hiệu thi đua, kỷ luật, không nâng lương, hạ bậc lương.

Các hình thức khen thưởng gắn với các phong trào thi đua. Vì vậy cần xây dựng phong trào lành mạnh tránh tình trạng “ganh đua” ảnh hưởng xấu đến chất lượng giáo dục.

Phải kết hợp các hình thức trách phạt với các biện pháp giáo dục khác để giúp người có khuyết điểm xác định được hướng khắc phục cần sửa chữa.

Khi tiến hành trách phạt học sinh, cán bộ giáo viên phải thể hiện được tình thương, trách nhiệm, xử lý có tình, có lý phù hợp với tâm lý lứa tuổi, giác ngộ được ý thức cố gắng vươn lên của học sinh.

Ngay cả những kế hoạch được chuẩn bị chu đáo nhất cũng có thể bị thất bại, do đó cần có một hệ thống giám sát để cảnh báo sớm những vấn đề có thể xảy ra. Hiệu trưởng cần nắm vững những biện pháp giám sát hiệu quả và phương thức xây dựng một quy trình cho phép phát hiện những vấn đề tiềm ẩn.

Bởi vậy, Hiệu trưởng cần định hướng hoạt động cho giáo viên và học sinh trong việc giáo dục giá trị sống một cách rõ ràng, để tự các nhóm giáo viên xây dựng kế hoạch hoạt động và tiêu chí đánh giá. Tiêu chí đánh giá kết quả giáo dục giá trị sống cần đáp ứng yêu cầu vừa khoa học vừa dung dị, hợp quy luật, ghi nhận được kết quả thật ở mỗi học sinh chứ không chỉ thống kê một số biểu hiện nổi bật của một vài học sinh luôn dẫn đầu lớp về điểm số các môn học. Trường học cần thường xuyên tổng kết, đánh giá thi đua, ghi nhận và nhân

rộng kết quả thật của quá trình giáo dục giá trị sống cho học sinh. Hiệu trưởng cần khuyến khích giáo viên đề xuất và cùng Hiệu trưởng thống nhất chung trong trường về cách tiến hành kiểm soát, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động giáo dục giá trị sống,...

Việc thực hiện kế hoạch hiệu quả cho phép Hiệu trưởng thu thập thông tin, qua đó đánh giá và điều chỉnh tiến độ hiện tại so với kế hoạch ban đầu.

3.2.5.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Có kế hoạch rõ ràng cụ thể, các văn bản pháp quy cần thiết và thiết thực để đánh giá đạo đức học sinh trong giai đoạn hiện nay.

Có sự chỉ đạo sát sao, có sự phối hợp chặt chẽ với các lực lượng GD để đánh giá đạo đức học sinh một cách khách quan.

Xây dựng chế độ thưởng phạt nghiêm minh với học sinh, sắp xếp, bố trí con người, thời gian và các điều kiện phục vụ công tác kiểm tra các bộ phận, cá nhân. Có thể một trong những người trong BGH làm trưởng ban thành lập một tổ kiểm tra công tác.

Thời gian kiểm tra đưa ra phải phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ mang tính chất tổng kết kịp thời.

Kiểm tra trên những tiêu chuẩn đã đề ra trước.

Khi tiến hành kiểm tra soạn thảo mẫu biên bản trước để có những kết luận chính xác.

Công tác này phải BGH quan tâm thường xuyên, nhắc nhở động viên kịp thời đội ngũ GV.

3.2.6. Bồi dưỡng năng lực giáo dục GTS cho giáo viên Ngữ văn.

3.2.6.1. Mục tiêu của biện pháp

Đối với việc giáo dục GTS cho học sinh thông qua môn Ngữ văn thì người GV đóng vai trò chủ đạo, tổ chức điều khiển và lãnh đạo quá trình hình thành nhân cách ở học sinh phù hợp với mục tiêu giáo dục phổ thông. Trong mỗi giờ học văn, người giáo viên quản lý toàn diện hoạt động GD của một lớp,

trực tiếp GD học sinh, trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra đánh giá quá trình rèn luyện phần đầu tu dưỡng của từng học sinh trong lớp và ảnh hưởng lớn quá trình phát triển nhân cách. GV phải có đủ Tâm, Đức, Tài, Trí, có năng lực sư phạm nắm bắt tâm lý học sinh, hoàn cảnh học sinh để có những biện pháp giáo dục phù hợp, có hiệu quả. GV phải là tấm gương gây được niềm tin đạo đức trước học sinh. Qua khảo sát thực trạng nhận thấy không ít GV không làm tốt công tác GD GTS cho học sinh vì bản thân có nhiều hạn chế, thiếu kinh nghiệm công tác. Vì vậy việc bồi dưỡng đội ngũ GV là vô cùng quan trọng góp phần nâng cao chất lượng GDGTS cho học sinh.

3.2.6.2. Nội dung và cách thực hiện

Chất lượng đội ngũ GV cũng là một yếu tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục. Thực tế, trong các nhà trường sư phạm mới quan tâm chú trọng nhiều đến đào tạo GV về chuyên môn. Do vậy, khi ra trường công tác thường giáo viên ít có kinh nghiệm và kiến thức trong công tác giáo dục GTS. Những kiến thức và kinh nghiệm GD GTS thường chỉ được hình thành qua thực tiễn công tác của bản thân mỗi GV

Hiệu trưởng lựa chọn, bồi dưỡng đội ngũ GV trong đó có đội ngũ giáo viên môn Ngữ văn, giúp họ thấy được niềm vinh dự và trách nhiệm lớn lao mà nhà trường giao phó, giúp họ nắm vững được mục tiêu GD của nhà trường và vai trò quan trọng của mình với sự phát triển nhân cách của học sinh và đặc biệt người hiệu trưởng phải tạo điều kiện tốt cho GV làm việc.

Hiệu trưởng trực tiếp bồi dưỡng những yêu cầu sư phạm đối với người GV, rèn những kỹ năng ứng xử trong tình huống công tác, nắm vững chức năng và nhiệm vụ GD để từ đó mỗi thầy cô không ngừng học hỏi, trau dồi kinh nghiệm công tác, những phương pháp GD, tự học tập, tự rèn luyện, tự bồi dưỡng, tự hoàn thiện nhân cách để trở thành tấm gương sáng cho học sinh noi theo.

Hiệu trưởng có kế hoạch lựa chọn đội ngũ GV, trong đó có đội ngũ giáo viên văn, định ra các tiêu chuẩn để lựa chọn:

- Tiêu chuẩn đầu tiên là người GV phải có tinh thần yêu nghề mến trẻ, nhiệt huyết trong công tác, luôn hoàn thành tốt công việc được giao.
- Người GV luôn được HS và PH yêu mến, kính trọng, tin tưởng.
- Có năng lực chuyên môn vững vàng.
- Có khả năng tổ chức các hoạt động tập thể.
- Có khả năng thuyết phục, truyền thụ.

Hiệu trưởng trực tiếp xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ GV những yêu cầu cần thiết:

+ Bồi dưỡng GV có lý tưởng nghề nghiệp đúng đắn, giúp họ phải am hiểu, nắm bắt sâu sắc chủ trương đường lối GD của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới hiện nay, có nhận thức đúng đắn về nghề dạy học. Họ cần nhận thức rằng công việc của mình có ý nghĩa quyết định cho sự phát triển của đất nước.

Bồi dưỡng về chuyên môn: GV phải có chuyên môn vững vàng, đây là một trong những yêu cầu sư phạm có kiên quyết vì có chuyên môn tốt, giảng dạy tốt thì học sinh mới phục, mới chấp nhận sự GD.

Bồi dưỡng GV đối xử sư phạm, các tình huống sư phạm, ứng xử khéo léo với HS và PH có thái độ quan tâm chu đáo, đặc biệt phải tôn trọng học sinh trong bất kỳ tình huống nào.

GV phải có lối sống đạo đức trong sáng. Phải thể hiện mình như một nhân cách toàn vẹn, phấn đấu thực sự trở thành người mẹ thứ hai của trẻ.

Bồi dưỡng lòng nhân ái sư phạm. Tình yêu thương con người là cái gốc, đạo lý làm người, tình yêu thương học sinh là gốc, là điểm xuất phát của mọi sáng tạo sư phạm.

Bồi dưỡng GV xác định các mối quan hệ GV với BGH: GV hoạt động theo sự chỉ đạo về mục tiêu, nội dung, kế hoạch trong quá trình GD, có định kỳ

báo cáo, phản ánh kịp thời thuận lợi, khó khăn để phối hợp với BGH trong công tác GD học sinh.

Xác định mối quan hệ với Đội TNTP để theo dõi tham gia thi đua của lớp, kết hợp GD GTS cho học sinh.

Xác định mối quan hệ với GVBM thường xuyên trao đổi tình hình học tập, kỷ luật của lớp, những biểu hiện, nguyện vọng... của học sinh. Kết hợp để đánh giá xếp loại hạnh kiểm học sinh, trao đổi, bàn bạc thống nhất đánh giá khách quan công bằng học sinh.

Xác định mối quan hệ giữa GVBM, GVCN với Hội cha mẹ học sinh chủ động trực tiếp tổ chức phối hợp GD giữa nhà trường và gia đình, xã hội, dự kiến các nội dung hoạt động của hội cha mẹ học sinh đặt ra yêu cầu nhiệm vụ của GD gia đình trong công tác GDGTS cho học sinh.

Hiệu trưởng thường xuyên kiểm tra đôn đốc về công tác GD GTS cho học sinh nói chung và việc lồng ghép trong các giờ học văn nói riêng, có chế độ khen thưởng, động viên GV có hiệu quả công việc cao, nhắc nhở nhưng GV chưa hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3.2.6.3. Điều kiện thực hiện

- Có sự quan tâm của BGH, đặc biệt là người hiệu trưởng.
- Có kinh phí hoạt động trong công tác bồi dưỡng đội ngũ và có chế độ đãi ngộ động viên hành tháng để đội ngũ GV toàn tâm, toàn ý phục vụ sự nghiệp GD.

3.2.7. Đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa gia đình - nhà trường và xã hội trong hoạt động giáo dục GTS

3.2.7.1. Mục tiêu của biện pháp

GD GTS là trách nhiệm của toàn xã hội, do đó tất yếu phải tiến hành đa dạng các hình thức phối kết hợp các lực lượng GD đặc biệt là ba lực lượng chủ chốt gia đình, nhà trường và xã hội trong lĩnh vực GD GTS học sinh, trong đó nhà trường phải giữ vai trò trung tâm, nòng cốt. Do vậy, hiệu trưởng phải là

người thật sự chủ động quan hệ, phối hợp, liên kết với lực lượng khác (phụ huynh học sinh, các ban ngành đoàn thể, chính quyền địa phương...) để bàn bạc nội dung hình thức, biện pháp... GD GTS học sinh phù hợp với truyền thống địa phương, đặc điểm tâm sinh lý học sinh cấp THCS.

Sự phối hợp thống nhất giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội, sự đa dạng các hình thức phối kết hợp này tạo ra môi trường thuận lợi, phát huy sức mạnh tổng hợp để hoạt động GD GTS học sinh đạt hiệu quả.

3.2.7.1. Nội dung và cách thức thực hiện

Hiệu trưởng và tập thể sư phạm huy động xã hội tham gia xây dựng môi trường thuận lợi cho công tác giáo dục nói chung và công tác GD GTS học sinh nói riêng. Đây chính là việc thực hiện cộng đồng hóa trách nhiệm nhằm đảm bảo tính tích cực của môi trường xã hội và sự thống nhất tác động mang tính giáo dục đối với thế hệ trẻ. Cụ thể là:

- Xây dựng các môi trường nhà trường, gia đình, xã hội và phối hợp giữa các môi trường để tạo sự thống nhất tác động giáo dục học sinh:

- Xây dựng môi trường nhà trường: Hiệu trưởng phải huy động các lực lượng xã hội cùng chăm lo xây dựng nhà trường từ CSVN, cảnh quan, nề nếp, kỷ cương, không khí học tập... Trong đó, hiệu trưởng chú ý xây dựng mối quan hệ lành mạnh, trong sáng giữa thầy và thầy, giữa thầy và trò, giữa bạn bè, giữa tập thể và cá nhân... Đây là mối quan hệ giữa người và người, những mối quan hệ tốt đẹp sẽ tạo nên những nét bản chất, tạo nên môi trường đạo đức thuận lợi nhất để hình thành nên nhân cách cao đẹp ở học sinh.

- Xây dựng môi trường gia đình: Gia đình là tế bào của xã hội, là thành trì vững chắc để bảo vệ, chăm sóc, GDGTS học sinh. Có thể nói, gia đình là môi trường thứ nhất, đầu tiên và lâu dài trong quá trình rèn luyện và hình thành nhân cách thế hệ trẻ. Do đó, hiệu trưởng phải chỉ đạo các bộ phận thường xuyên phối hợp với gia đình HS, giúp cho gia đình nâng cao ý thức chăm sóc,

giáo dục học sinh một cách chu đáo, tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh học tập, rèn luyện. Đồng thời, hiệu trưởng phải cùng với các lực lượng xã hội khác giúp đỡ, hỗ trợ phong trào xây dựng gia đình văn hóa, cha mẹ mẫu mực, con cái chăm ngoan, hỗ trợ các bậc PHHS xây dựng, củng cố sự bền vững, hạnh phúc của gia đình, thúc đẩy các thành viên của gia đình làm tốt chức năng giáo dục con em họ.

- Xây dựng môi trường xã hội tích cực: xã hội là môi trường rộng lớn, phức tạp, luôn biến động, cái tích cực, cái tiêu cực đan xen nhau, không dễ dàng phân biệt giữa cái tốt và cái xấu. Do đó nhà trường cùng các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, cơ quan đoàn thể cùng phối hợp, ra sức xây dựng môi trường xã hội tích cực. Cụ thể là xây dựng cộng đồng, đường phố văn minh, tạo lối sống lành mạnh, dư luận xã hội tích cực, đề cao giá trị xã hội chân chính, các quan hệ tốt đẹp giữa người với người, xây dựng cuộc sống văn minh, đoàn kết, công bằng dân chủ. Môi trường xã hội tốt đẹp là mảnh đất màu mỡ để phát triển nhân cách tốt đẹp cho thế hệ trẻ.

Hiệu trưởng chỉ đạo các lực lượng trong nhà trường thường xuyên phối hợp với các lực lượng xã hội để xây dựng và phối hợp tốt 3 môi trường. Nhà trường, gia đình và xã hội, tạo sự tác động đồng thuận theo hướng tích cực để GDGTS HS theo những chuẩn mực xã hội.

• Nhà trường phải thu hút được các lực lượng xã hội tham gia vào quá trình GDGTS học sinh, nhằm từng bước nâng cao chất lượng GD GTS cho các em:

- Đề nghị các cơ quan, ban ngành có liên quan tham gia vào việc sưu tầm, cung cấp tư liệu, soạn tài liệu, phần mềm có tác dụng GD GTS học sinh. Chẳng hạn như cung cấp các tài liệu lịch sử địa phương, những kinh nghiệm xã hội, những giá trị chuẩn mực trong xã hội và trong cuộc sống, quan hệ ứng xử tốt đẹp trong cộng đồng.

- Đề nghị và phối hợp với các ngành chức năng tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh. Cụ thể:

Ngành y tế: truyền bá những tri thức về dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên, giáo dục giới tính, vệ sinh phòng bệnh, bảo vệ môi trường...

Ngành công an: cung cấp tri thức về pháp luật, phòng chống các tệ nạn xã hội.

Các đơn vị quân đội: giúp nhà trường giáo dục quân sự, giáo dục quốc phòng, phối hợp với hội cựu chiến binh giáo dục về truyền thống quân đội, về lịch sử, lối sống, kỷ cương, đạo đức.

Ngành văn hóa thông tin: tham gia giáo dục thể chất, giáo dục văn hóa-thẩm mỹ cho HS thông qua một số hoạt động như thi đấu TDTT, văn nghệ, triển lãm...

Đội TNTP Hồ Chí Minh: phối hợp cùng nhà trường tổ chức các buổi SHTT, quản lý HS trong hè, giáo dục truyền thống, lý tưởng của Đoàn-Đội, hội thảo chủ đề “Thiếu niên nhi đồng thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy”, “Tiến bước lên Đoàn”.

Hội PHHS: phối hợp cùng nhà trường tổ chức các buổi hội thảo nhằm bàn bạc các biện pháp nâng cao hiệu quả GD GTS cho học sinh.

Tóm lại, đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội là yếu tố quan trọng góp phần GD GTS cho học sinh. Nội dung và hình thức phối hợp đa dạng, phong phú, hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện công tác này một cách thường xuyên, có kế hoạch để huy động được sức mạnh của toàn xã hội chăm lo cho GD GTS học sinh.

3.2.7.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

- Xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

- Các lực lượng tham gia phối hợp giáo dục đạo đức cho học sinh phải nhiệt tình tâm huyết, hết lòng vì thế hệ trẻ.

3.2.8. Tầm quan trọng hệ thống về cơ sở sử dụng các phương tiện thể lý, các điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động GD GTS

3.2.8.1. Mục tiêu của biện pháp

Giáo dục GTS là một nhiệm vụ quan trọng để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện. Bên cạnh những biện pháp về đổi mới phương pháp giáo dục GTS thì việc tăng cường sử dụng các phương tiện, thiết bị, các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giáo dục GTS cũng cần được quan tâm nhằm tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho quá trình giáo dục, tránh cho việc giáo dục GTS chỉ mang tính chất lý thuyết, giáo điều khô khan thiếu tính thuyết phục. Khai thác và sử dụng hợp lý các phương tiện, thiết bị, các điều kiện cơ sở vật chất sẽ giúp cho quá trình giáo dục được trực quan sinh động và có sự tham gia phối kết hợp của nhiều tổ chức, nhiều lực lượng giáo dục vì thế mà nâng cao tính hiệu quả.

3.2.8.2. Nội dung và cách thức thực hiện

Mỗi nhà trường cần chủ động khai thác triệt để các nội dung giáo dục giá trị sống thông qua các môn Giáo dục công dân, Địa lí, Sinh học, Văn học; chủ động xây dựng chương trình, tài liệu giáo dục giá trị sống thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp phù hợp với học sinh của trường (độ tuổi, giới tính, điều kiện kinh tế, phong tục tập quán của địa phương,...).

Ngoài ra, nhà trường cần:

Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng phục vụ cho việc giáo dục giá trị sống hiệu quả. Hiệu trưởng cần có kế hoạch đầu tư trang bị cơ sở vật chất, phương tiện thiết bị phục vụ hoạt động giảng dạy, sinh hoạt học tập bằng mọi nguồn lực như từ nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước, từ sự hỗ trợ của địa phương, của các tổ chức xã hội, từ sự chung sức của cha mẹ học sinh,... theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, tăng cường xã hội hóa

giáo dục để nâng cao cơ sở vật chất trường học phục vụ các hoạt động giáo dục, giảng dạy - học tập trong nhà trường nhất là trong điều kiện hiện nay, biện pháp này tuy có được quan tâm nhưng chưa được đội ngũ đánh giá cao một phần do trói buộc bởi khâu quản lý tài chính. Tuy vậy, Hiệu trưởng cũng nên lưu ý không để xảy ra tình trạng lãng phí, tham ô, sử dụng kinh phí sai mục đích trong quá trình thực hiện biện pháp này.

Xây dựng môi trường Sư phạm giáo dục giá trị sống cho học sinh: trong trường, xung quanh trường, nơi tham quan, dã ngoại, giao lưu,... Theo đó, tại trường học, mỗi giờ học, mỗi hoạt động của thầy cô giáo đều là tấm gương đạo đức và sáng tạo cho học sinh noi theo;

Khai thác và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các điều kiện cơ sở vật chất ngoài nhà trường như các công trình văn hóa công cộng.

Kết hợp với chính quyền địa phương giải tỏa các hàng quán bán rong, quản lý nghiêm các quán Internet xung quanh trường.

3.2.8.3. Điều kiện thực hiện biện pháp

Đảm bảo việc huy động các nguồn lực trong xã hội đối với trường THCS (đặc biệt là các nguồn lực để xây dựng môi trường, cảnh quan sư phạm...). Việc sử dụng các nguồn lực cũng cần được thực hiện một cách đơn giản, tiện lợi, song vẫn đảm bảo tính pháp lý cần thiết.

Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phải được đảm bảo, từng bước hiện đại hóa. Chính quyền địa phương phải có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện cho các nhà trường sử dụng hợp lý các công trình văn hóa công cộng có ý nghĩa giáo dục GTS cho học sinh; đồng thời cần quan tâm thường xuyên đến tình hình an ninh trật tự, an toàn, mỹ quan khu vực quanh trường học. Đặc biệt là xử lý cương quyết các hàng quán kinh doanh có thể tác động không tốt đến học sinh.

3.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp, mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Để GD GTS học sinh một cách hiệu quả, nhà trường phải thực hiện một cách đồng bộ, có sự phối hợp linh hoạt các biện pháp trên. Trong đó, biện pháp “Nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và các lực lượng liên quan về hoạt động GD GTS học sinh” có ý nghĩa tiên quyết, tạo tiền đề để thực hiện hiệu quả các biện pháp khác. Nhận thức định hướng cho hành động. Nhận thức đúng là một trong những điều kiện cơ bản để có hành động đúng. Nhận thức đúng bao hàm cả tư tưởng đúng. Nhận thức, ý thức, định hướng, soi sáng cho hành động, nhận thức sâu sắc, ý thức cao sẽ giúp nâng cao trách nhiệm và hành động thực tiễn đạt hiệu quả tốt. Trong QL GD GTS HS, nhận thức phải được nâng cao ở tất cả các lực lượng CB-GV- CNV-PHHS, các lực lượng này tương tác với nhau và quyết định mọi sự thành bại.

Các biện pháp “Đổi mới thực hiện các chức năng quản lí trong hoạt động GD GTS học sinh” (bao gồm: “Xây dựng kế hoạch hoạt động GD GTS học sinh”, “Đổi mới tổ chức hoạt động GD GTS học sinh”, “Đổi mới chỉ đạo hoạt động GD GTS học sinh”, “Đổi mới kiểm tra, đánh giá trong hoạt động giáo dục GTS học sinh”); “Bồi dưỡng năng lực GD GTS cho giáo viên” giữ vai trò then chốt, quyết định chất lượng GD GTS học sinh. Chúng thể hiện năng lực tổ chức thực hiện nhiệm vụ của nhà trường trong suốt quá trình GD GTS học sinh. Trong đó, biện pháp kế hoạch hóa có vai trò định hướng mục tiêu, nội dung, hình thức, biện pháp, cơ chế phối hợp giữa các lực lượng... đảm bảo cho quá trình quản lý công tác GD GTS diễn ra một cách chủ động, đúng hướng. Biện pháp chỉ đạo công tác GD GTS HS nhằm đảm bảo cho việc thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả cao.

Biện pháp: “Đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động giáo dục đạo đức học sinh” thực chất là sự phối hợp giữa các môi trường: Nhà trường - gia đình - xã hội, là điều kiện quan trọng tạo ra sự thống nhất về nội dung, chuẩn mực GD GTS giữa các môi trường giáo dục nhằm hỗ trợ cho quá trình GD GTS học sinh đạt hiệu quả cao.

Như vậy các biện pháp trên vừa là tiền đề vừa là kết quả của nhau; quan hệ gắn bó với nhau, cùng hỗ trợ nhau, bổ sung nhau trong suốt quá trình quản lý hoạt động GDGTS học sinh. Do đó, nhà trường phải triển khai thực hiện chúng một cách đồng bộ, nhất quán mới đạt chất lượng cao trong hoạt động GDGTS học sinh.

3.4. Mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp

Để khắc phục tính chủ quan, tôi đã trưng cầu ý kiến 16 cán bộ quản lý và GV về mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp quản lý hoạt động GD GTS học sinh. 16 cán bộ quản lý và GV bao gồm: 2 cán bộ quản lý, 2 tổ trưởng chuyên môn, 1 tổng phụ trách Đội, 1 giáo viên dạy GDCD và 10 GVCN về khảo nghiệm mức độ cần thiết của các biện pháp, kết quả thể hiện trong bảng 3.1:

Bảng 3.1. Khảo nghiệm mức độ cần thiết của các biện pháp quản lý được đề xuất

TT	Các biện pháp	Mức độ cần thiết			Giá trị TB	Thứ hạng
		Rất cần thiết (3đ)	Cần thiết (2đ)	Không cần thiết (1đ)		
1	Nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, GV và các lực lượng liên quan về hoạt động GD GTS cho học sinh.	15	1	0	2.94	2
2	Đổi mới xây dựng kế hoạch giáo dục GTS cho học sinh	15	1	0	2.94	2
3	Đổi mới tổ chức hoạt động GDGTS cho học sinh.	11	5	0	2.69	4
4	Đổi mới chỉ đạo hoạt động GDGTS cho học sinh.	10	6	0	2.63	5
5	Đổi mới kiểm tra, đánh giá trong hoạt động GDGTS cho HS.	9	7	0	2.56	6
6	Bồi dưỡng năng lực GD GTS cho giáo viên.	16	0	0	3	1
7	Đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt động GD GTS cho học sinh.	14	2	0	2.88	3

8	Tăng cường hiệu quả việc sử dụng các phương tiện thiết bị, các điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động GD GTS cho học sinh THCS.	11	5	0	2.69	4
---	---	----	---	---	------	---

Với kết quả trưng cầu ý kiến của các cán bộ quản lý và giáo viên ở bảng 3.1 cho thấy: Số người đánh giá mức độ rất cần thiết của các biện pháp dao động từ 9 đến 16 người, mức độ cần thiết dao động từ 1 đến 7 người. Điều này chứng tỏ các biện pháp nêu ra đều được mọi người quan tâm. Tổng cộng cả hai mức độ có số người đồng thuận là tuyệt đối. Như vậy là ý kiến đồng thuận về tính cần thiết, phù hợp của các đối tượng về các biện pháp là sát với thực tiễn, có cơ sở khoa học để thực hiện mục đích của đề tài.

Về khảo nghiệm tính khả thi của biện pháp, kết quả thu được thể hiện trong bảng 3.2:

Bảng 3.2. Khảo nghiệm tính khả thi của các biện pháp

TT	Các biện pháp	Tính khả thi			Giá trị TB	Thứ bậc
		Rất khả thi (3đ)	Khả thi (2đ)	Không khả thi (1đ)		
1	Nâng cao nhận thức cho đội ngũ CBQL, GV và các lực lượng liên quan về hoạt động GD GTS cho học sinh.	15	1	0	2.94	2
2	Đổi mới xây dựng kế hoạch giáo dục GTS cho học sinh	15	1	0	2.94	2
3	Đổi mới tổ chức hoạt động GD GTS cho học sinh.	12	4	0	2.75	4
4	Đổi mới chỉ đạo hoạt động GD GTS cho học sinh.	14	2	0	2.88	3
5	Đổi mới kiểm tra, đánh giá và thi đua khen thưởng trong hoạt động GD GTS cho học sinh.	11	5	0	2.69	6
6	Bồi dưỡng năng lực GD GTS cho giáo viên.	16	0	0	3	1
7	Đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong hoạt	11	5	0	2.69	5

	động GD GTS cho HS.					
8	Tăng cường hiệu quả việc sử dụng các phương tiện thiết bị, các điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động GD GTS cho học sinh THCS.	11	5	0	2.69	5

Căn cứ vào bảng 3.2 có thể thấy với điểm trung bình dao động từ 2,56 đến 3, các biện pháp quản lý hoạt động GD GTS cho học sinh của các trường THCS trên địa bàn huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ được đề xuất ở trên được đánh giá là có tính khả thi cao.

Từ các kết quả trên có thể nhận thấy, tất cả số thành viên đánh giá các biện pháp quản lý hoạt động GDGTS trên là cần thiết và khả thi, có thể vận dụng vào thực tiễn quản lý nhằm góp phần nâng cao chất lượng GD GTS ở các trường trên địa bàn huyện cũng như các trường THCS có điều kiện, hoàn cảnh tương tự ở Tỉnh Phú Thọ.

Tiểu kết chương 3

Để góp phần nâng cao chất lượng GD GTS cho HS cấp THCS ở huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, tác giả của luận văn xin đề xuất 8 biện pháp quản lý GD GTS như sau:

1. Nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và các lực lượng liên quan về hoạt động GDGTS học sinh;
2. Đổi mới xây dựng kế hoạch giáo dục GTS;
3. Đổi mới tổ chức hoạt động GDGTS;
4. Đổi mới chỉ đạo hoạt động GDGTS;
5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá và thi đua khen thưởng trong hoạt động giáo dục GTS;
6. Bồi dưỡng năng lực giáo dục giá trị sống cho đội ngũ GV;
7. Đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong GD GTS;
8. Tăng cường hiệu quả việc sử dụng các phương tiện thiết bị, các điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động GD GTS.

Các biện pháp trên có mối quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau. Do đó, phải thực hiện chúng một cách đồng bộ, nhất quán trong suốt quá trình GD GTS cho HS.

Ngoài ra, để có cơ sở khách quan nhằm áp dụng các biện pháp trên vào thực tiễn, tôi đã trưng cầu ý kiến của một số CB-NV-CNV trong ngành giáo dục. Nhìn chung, đại bộ phận CB-GV-CNV đều đánh giá các biện pháp trên có tính cấp thiết và khả thi, có thể thực hiện để góp phần nâng cao chất lượng GD GTS cho học sinh.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ những kết quả nghiên cứu trong luận văn, tác giả của luận văn rút ra một số kết luận mang tính tổng quát như sau:

Đạo đức và GD GTS là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng trong đời sống xã hội. Đạo đức được hình thành, phát triển thông qua quá trình giáo dục và quá trình tự rèn luyện bên trong của cá nhân. GD GTS trong nhà trường thực chất là sự tác động có mục đích, có định hướng của nhà giáo dục nhằm giúp đối tượng được giáo dục chiếm lĩnh các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, giúp người học hình thành nhận thức về các giá trị đạo đức và các hành vi đạo đức phù hợp với các quy tắc, chuẩn mực đạo đức.

Quản lý hoạt động GD GTS cho học sinh nhằm góp phần phát triển nhân cách toàn diện cho thế hệ trẻ từ đó hình thành nên KNS cần thiết, giúp các em trở thành những chủ nhân tương lai có đầy đủ các phẩm chất đạo đức tốt đẹp và cần thiết đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Quản lý hoạt động GD GTS là một lao động khoa học và nghệ thuật phức tạp đòi hỏi phải có các biện pháp thực hiện đúng đắn. Theo đó, việc vận dụng các biện pháp quản lý hoạt động GD GTS cho học sinh phù hợp sẽ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Đó là kết quả nghiên cứu được thể hiện trong nội dung của Chương 1.

Trong Chương 2 của luận văn đã nghiên cứu thực trạng và phân tích kết quả của hoạt động giáo dục GTS và quản lý hoạt động giáo dục GTS tại 5 trường trên địa bàn huyện Đoan Hùng- Tỉnh Phú Thọ. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy các trường đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của công tác GDGTS. BGH đã chủ động chỉ đạo các tổ chức đoàn thể trong nhà trường phối hợp với các lực lượng ngoài xã hội cùng đồng lòng GD GTS cho HS. Các biện pháp quản lý hoạt động GD mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên vẫn còn bộc lộ những hạn chế nhất định.

Từ việc nghiên cứu lí luận và thực tiễn, tại Chương 3, chúng tôi đề xuất 8 biện pháp sau đây nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động GDGTS cho học sinh trong các nhà trường THCS:

1. Nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và các lực lượng liên quan về hoạt động GDGTS học sinh;
2. Đổi mới xây dựng kế hoạch giáo dục GTS cho học sinh;
3. Đổi mới tổ chức hoạt động GDGTS học sinh;
4. Đổi mới chỉ đạo hoạt động GDGTS học sinh;
5. Đổi mới kiểm tra, đánh giá và thi đua khen thưởng trong hoạt động giáo dục đạo đức học sinh;
6. Tổ chức lựa chọn và bồi dưỡng năng lực đổi mới phương pháp giáo dục GTS cho đội ngũ GV;
7. Đa dạng các hình thức phối kết hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong GD GTS;
8. Tăng cường hiệu quả việc sử dụng các phương tiện thiết bị, các điều kiện cơ sở vật chất cho hoạt động GD GTS.

Các biện pháp trên đều có mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau, hỗ trợ nhau. Mỗi một biện pháp lại giữ một vị trí và vai trò riêng trong quá trình thực hiện, vì vậy các biện pháp cần phải được áp dụng một cách hợp lí để phát huy được hiệu quả cao nhất. Người hiệu trưởng phải biết linh hoạt lựa chọn và vận dụng một cách sáng tạo các biện pháp quản lý cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi địa phương, mỗi nhà trường. Trên cơ sở những lí luận đã trình bày, tác giả đề tài đã vận dụng và nghiên cứu thực tiễn để đề xuất một số biện pháp phù hợp. Mặc dù chỉ là sự nghiên cứu và đề xuất mang tính chất chủ quan cá nhân nhưng tác giả của luận văn rất hi vọng những biện pháp đã nêu trên sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý hoạt động GD GTS cho học sinh THCS trên địa bàn huyện Đoan Hùng nói riêng và các trường có điều kiện tương tự.

2. Khuyến nghị

*** Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo và Phòng Giáo dục và Đào tạo**

Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra các hoạt động quản lý GD GTS cho học sinh ở các trường học. Ban hành các văn bản hướng dẫn về công tác quản lý và công tác GD GTS học sinh.

Tổ chức các hội nghị chuyên đề, hội thảo về công tác quản lý và công tác GD GTS cho học sinh, về giảng dạy môn Ngữ văn và việc lồng ghép GD GTS thông qua các môn học khác.

Tổng kết, rút kinh nghiệm, đồng thời nhân rộng các mô hình quản lý hoạt động GD GTS cho học sinh có hiệu quả.

Chỉ đạo điềm, một số mô hình phù hợp với giai đoạn hiện nay về công tác GDGTS cho HS để rút kinh nghiệm và phổ biến rộng rãi.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra GDGTS cho học sinh đối với các trường.

*** Đối với phụ huynh học sinh**

Thường xuyên giữ mối liên lạc với nhà trường thông qua giáo viên chủ nhiệm trong việc giáo dục học sinh.

Tham dự đầy đủ các phiên họp phụ huynh học sinh của trường.

*** Đối với Tổ chuyên môn và giáo viên:**

- Đối với Tổ chuyên môn:

Tăng cường vai trò chỉ đạo, kiểm tra nội dung giáo dục GTS nói chung và nội dung lồng ghép giáo dục GTS cho học sinh qua các môn học trong đó có môn Ngữ văn

Đổi mới nội dung sinh hoạt Tổ chuyên môn gắn với công tác giáo dục GTS cho học sinh thông qua các môn học dưới hình thức dự giờ, rút kinh nghiệm, thực hiện các chuyên đề...

- Đối với giáo viên Ngữ văn:

Tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao tay nghề chuyên môn, trau dồi kiến thức trong đó có kiến thức giáo dục GTS cho học sinh.

Chú trọng công tác giáo dục GTS cho học sinh thông qua hoạt động xây dựng phân phối chương trình, kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, phương pháp dạy học, nội dung kiểm tra đánh giá...

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Quốc Bảo (1995), *Quản lý giáo dục, một số khái niệm và luận đề*, Trường cán bộ quản lý, Hà Nội.
2. Đặng Quốc Bảo (2010), *Chuyên đề phát triển nguồn nhân lực phát triển con người*, Đại học Giáo dục.
3. Đặng Quốc Bảo, Đặng Bá Lãm, Nguyễn Lộc, Phạm Quang Sáng, Bùi Đức Thiệp (2009), *Đổi mới quản lý và nâng cao chất lượng giáo dục Việt Nam*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
4. Bộ Giáo dục (2007), *Điều lệ trường phổ thông*, Nxb Giáo dục.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Giáo dục Kỹ năng sống trong hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường trung học phổ thông*, tài liệu dành cho giáo viên, Nxb Giáo dục Việt Nam.
6. Nguyễn Quốc Chí - Nguyễn Thị Mỹ Lộc (1996), *Bài giảng lí luận đại cương về quản lí*, Trường Đại học Giáo dục - Đại học Quốc Gia Hà Nội.
7. Nguyễn Đức Chính (2011), *Đo lường và đánh giá trong giáo dục và dạy học*, Đại học Giáo dục.
8. Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyên (1998), *Tâm lý học quản lý*, Nxb Giáo dục.
9. Vũ Cao Đàm (1997), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, Nxb Khoa học kỹ thuật Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
11. Nguyễn Minh Đạo (1998), *Lý luận về quản lý*, Nxb Văn hóa Thông tin.
12. Trần Khánh Đức (2010), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
13. Phạm Minh Hạc (1997), *Giáo dục nhân cách, đào tạo nhân lực*, Nxb Chính trị quốc gia.
14. Phạm Minh Hạc (2001), *Phát triển toàn diện con người thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Nxb Chính trị quốc gia.
15. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thế Ngữ (1985), *Những bài giảng về quản lý trường học*, Nxb Hà Nội.

16. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (1996), *Lý luận đại cương về quản lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2010), *Đại cương khoa học quản lý*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
18. Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2008), *Tâm lý học quản lý*, Khoa Sư phạm Đại học Quốc gia Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính, Vũ Phương Liên (2010), *Hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh trung học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
20. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính, Vũ Phương Liên (2012), *Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho học sinh trung học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Luật Giáo dục (2006), Nxb Chính trị Quốc gia.
22. M.I.Kônđacốp (1984), *Cơ sở lý luận quản lý giáo dục*, Viện khoa học xã hội.
23. Sở Giáo dục và Đào tạo Phú Thọ, *Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2014-2015*.
24. Hà Nhật Thăng (2005), *Công tác giáo viên chủ nhiệm ở trường phổ thông*, Nxb Giáo dục.
25. Hà Nhật Thăng (2007), *Đạo đức và giáo dục đạo đức*, Nxb Đại học Sư phạm.
26. Hà Nhật Thăng (1997), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn*, Nxb Giáo dục, (tái bản 2001).
27. Hà Nhật Thăng (2001), *Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông*, Nxb Giáo dục.
28. Đinh Thị Kim Thoa, Trần Văn Tính, Đặng Hoàng Minh, *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
29. Mạc Văn Trang (2001), *Giáo dục giá trị sống cho học sinh phổ thông hiện nay*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, 01X- 12/03-2001-2.
30. Trường THCS Tiên Phong, *Kế hoạch năm học 2014-2015*.
31. Phan Thanh Vân (2010), *Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*, Thái Nguyên.
32. Phạm Việt Vượng, *Giáo dục học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.

PHỤ LỤC

PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN

(Dùng cho CBQL và GV các trường THCS)

Để có cơ sở đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng GV THCS theo CNN, đề nghị đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của mình về các vấn đề được hỏi. Việc trả lời câu hỏi chỉ có ý nghĩa phục vụ công tác chung không có ý đánh giá cá nhân hoặc tập thể.

Câu 1: Xin đồng chí vui lòng cho biết ở trường đồng chí đã thực hiện các nội dung dưới đây ở mức độ nào? Xin đồng chí đánh dấu (X) vào ô phù hợp với ý kiến của đồng chí.

STT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
2	Nâng cao nhận thức của GV về tầm quan trọng của công tác giáo dục GTS cho HS.					
3	Tuyên truyền, phổ biến giúp GV hiểu đầy đủ về giáo dục GTS.					
4	Lập kế hoạch lồng ghép nội dung GD giá trị sống cho HS thông qua môn Ngữ văn 9.					
5	Tổ chức thao giảng, thực hiện các chuyên đề, dự giờ thăm lớp các giờ dạy có nội dung GD GTS.					
6	Tạo điều kiện và cơ hội cho đội ngũ GV giao lưu, học tập kinh nghiệm trong Tổ, nhóm CM về nội dung GD GTS.					
7	Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin cho công tác GD GTS.					
8	Kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện nội dung GD GTS.					
9	Đánh giá giờ dạy GV hàng tháng, từng học kỳ và cuối năm có nội dung GD GTS.					
10	Tạo cơ chế, chính sách khích lệ, khen thưởng kịp thời, hợp lý và hỗ trợ cho công GD GTS.					

Câu 2: Xin đồng chí vui lòng cho biết ở trường đồng chí đã thực hiện các nội dung GD GTS cho học sinh theo các hình thức dưới đây ở mức độ nào? Xin đồng chí đánh dấu (X) vào ô phù hợp với ý kiến của đồng chí.

S TT	Nội dung	Mức độ đánh giá				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
1	Giáo dục GTS cho HS định kỳ theo chuyên đề năm học.					
2	GD GTS thông qua nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn.					
3	GD GTS thông qua việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa giá trị sống của Đoàn, Đội cho HS.					
4	GD GTS thông qua các dự án liên môn và chủ đề tích hợp.					
5	GD GTS cho HS thông qua xây dựng các chuyên đề, viết sáng kiến kinh nghiệm.					
6	GD GTS cho HS thông qua các bài dự thi, tranh vẽ theo các chủ đề lớn.					

Câu 3: Theo đồng chí các biện pháp quản lý hoạt động GD GTS cho học sinh được nêu cần thiết và khả thi ở mức độ nào ? Xin đồng chí đánh dấu (X) vào ô phù hợp với ý kiến của đồng chí.

S TT	Biện pháp	Mức độ cần thiết			Mức độ khả thi		
		Rất cần thiết	Cần thiết	Không cần thiết	Rất khả thi	Khả thi	Không khả thi
1	Quản lý thực hiện mục tiêu GD GTS cho HS.						
2	Xây dựng kế hoạch GD GTS cho HS						
3	Tổ chức hoạt động GD GTS cho HS						
4	Chỉ đạo hoạt động GD GTS cho HS						
5	Kiểm tra- Đánh giá hoạt động GD GTS cho học sinh						

Những ý kiến khác của đồng chí về các biện pháp quản lí hoạt động GD giá trị sống cho HS ở huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ:

.....

.....

.....

.....

.....

Xin trân trọng cảm ơn!